

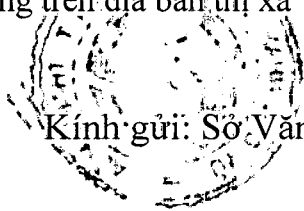
**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **678** /UBND-VHTT

Bỉm Sơn, ngày **24** tháng 4 năm 2017

V/v rà soát thống kê phân loại
các tuyến đường, phố và công trình
công cộng trên địa bàn thị xã



Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 87/SVHTTDL - NVVH ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa về việc rà soát thống kê phân loại các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị xã. UBND thị xã Bỉm Sơn đã tiến hành rà soát thống kê phân loại các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị xã, báo cáo kết quả như sau:

1, Tên đường, phố, công trình công cộng đã đặt trước khi có nghị định 91/2005:

- Tổng số 138 tên đường, phố và 2 công trình công cộng.

(Có danh sách kèm theo).

2, Tên đường, phố, công trình công cộng đã đặt sau khi có nghị định 91/2005 đến nay:

- Tổng số 9 tên phố *(Có danh sách kèm theo).*

9 tên phố này UBND thị xã đã tiến hành thực hiện các bước tại cơ sở theo hướng dẫn tại ND 91/CP, bao gồm: Xin ý kiến nhân dân, xin ý kiến của UBND các phường có tuyến phố định đặt tên, xin ý kiến của HĐND thị xã... HĐND thị xã đã có nghị quyết đồng ý để UBND thị xã báo cáo tỉnh...; Tuy nhiên tại thời điểm năm 2014 UBND thị xã chưa thực hiện việc báo cáo cấp có thẩm quyền để có quyết định đặt tên 9 tuyến phố nói trên.

Sau khi có nghị quyết của HĐND thị xã, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội, các xã phường liên quan đã cho cấm biển tên 9 tuyến phố nói trên. Như vậy từ năm 2014 đến nay 9 tên phố đã được đưa vào sử dụng và trở thành quen thuộc đối với nhân dân trên địa bàn.

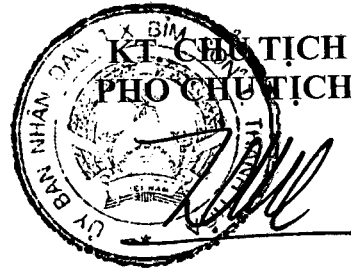
UBND thị xã Bỉm Sơn đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa trình HĐND tỉnh Thanh Hóa Nghị quyết giữ nguyên tên cho 9 tuyến phố đã

được đặt từ năm 2014 trên địa bàn thị xã Bim Sơn (có danh sách và thuyết minh kèm theo).

UBND thị xã Bim Sơn báo cáo đề Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, VHTT.



Mai Đình Lâm

DANH SÁCH

Tên các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn đã có tên
(được đặt) từ trước khi có Nghị Định số 91/NĐ - CP

(Kèm theo Công văn số: 6782/UBND-VH ngày 24 tháng 4 năm 2017
của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)

STT	Tên đường/phố/công trình công cộng	Thời gian đặt tên	Mô tả tuyến đường				Trích yếu lý lịch
			Kích thước (Dài, rộng)		Vị trí (Điểm đầu, điểm cuối)		
			Dài (km)	Rộng (m)	Điểm đầu	Điểm cuối	
I.	TÊN ĐƯỜNG, PHỐ						
1.	Trần Phú	1996	4.5	28	Ngã 4 QL1A	Đi khách sạn chuyên gia	Tham gia cách mạng từ 1925, được cử sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc mở. Năm 1930 về nước, được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ông viết bản Luận cương chính trị và được bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Vào Sài Gòn lãnh đạo cách mạng, ông bị địch bắt (4/1931), bị tra tấn dã man nên ốm nặng và mất ngày 6/9/1931 tại nhà thương Chợ Quán.
2.							Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1938-1940). Ông sinh trong một gia đình nhà Nho, quê xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1927, ông tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Tháng 6 năm 1929,

				1A	huyện Hà Trung	sau được đưa lên làm vua, mở ra thời Hồng Đức thịnh trị nhất trong các triều đại phong kiến Việt Nam.	
8.	Lê Lợi	1996	2.5	18.5	Cầu Hà Lan	Mỏ đá Nhà máy Xi măng	Lòng nhân từ của Lê Lợi còn thể hiện ở nhiều trường hợp trong quá trình khởi nghĩa. Nguyễn Trãi xuất phát từ đây mà soạn nhiều lá thư dụ hàng để tránh gây ra những cuộc tàn sát. Ta cũng đã biết về kỷ luật của nghĩa quân Lam Sơn qua những lời căn dặn của Lê Lợi: “Dân ta bị khổ sở vì chính sách tàn ngược của giặc đã lâu, hễ đi đến châu huyện nào cũng không được xâm phạm đến mảy may của dân” (Đại Việt thông sử). Ông thành thực thương mến nhân dân, nên đã được nhân dân thương lại. Bà con tích cực giúp đỡ nghĩa quân: truyện dân gian kể nhiều về đề tài nhân dân bảo vệ lãnh tụ. Đối với nội bộ tổ chức khởi nghĩa, với nhân dân là như vậy; còn đối với kẻ địch, với những người làm đường lạc lối, lòng nhân của Lê Lợi lại thể hiện ở sự độ lượng, khoan hoà, rất nhất quán trước sau với tất cả các hạng người: Thái Phúc, Cầm Bành, Lương Nhữ Hốt. Tội nghiệp cho những kẻ không hiểu được lòng nhân của lãnh tụ, nên phải chuốc lấy sự trừng phạt mà họ đã được tha thứ nhiều lần. Câu chuyện được gươm thần và trả lại gươm thần là một tác phẩm dân gian tuyệt đẹp và rất hiếm có trong kho tàng cổ tích.

9.	Hai Bà Trưng	1996	4.2	5.5	Quốc lộ 1A	Cầu Hà Lan	Tức Trưng Trắc và Trưng Nhị, hai nữ anh hùng dân tộc, là hai chị em sinh đôi con Lạc tướng Mê Linh. Hai Bà dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn mùa xuân năm 40, đánh thủ phủ Luy Lâu của quân Hán thống trị, thu lại 65 thành. Trưng Trắc lên làm vua, lập đô ở Mê Linh (nay là xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội). Năm 42, Mã Viện đem quân sang đàn áp, Hai Bà chống lại không nổi, đã anh dũng tử tiết ở Cẩm Khê vào mùa xuân năm 43
10.	Nguyễn Đức Cảnh	1996	1.5	9.5	Đường Trần Phú	Ngã 4 Mỏ sét	Cán bộ tiền bối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông sinh tại làng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Học thành chung ở Nam Định, 1926 ra dạy học ở phố Bạch Mai, Hà Nội và làm thợ sắp chữ cho Nhà in Lê Văn Tân, giác ngộ cách mạng, tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. 1927 sang huấn luyện ở Quảng Châu, về nước cùng Chi bộ Hàm Long thành lập Đông Dương Cộng sản đảng ở 312 Khâm Thiên (6-1920). Đại biểu chính thức của Hội nghị thành lập Đảng (1930), Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ. Tháng 4-1931 bị bắt ở Vinh, Pháp giam ông tại Hỏa Lò, tòa đề hình xử ông án tử hình. Ngày 31-7-1932, ông bị xử tử tại nhà lao Hải Phòng.
11.	Tôn Thất Thuyết	1996	1.5	9.5	Đường Trần	Đi dốc 68	Ông là Phụ chính đại thần của nhà Nguyễn. Ông là một trong những quan nhà Nguyễn chống Pháp tiêu biểu nhất, cùng vua Hàm Nghi phát động phong trào Cần Vương. Năm 1869,

					Phú (ngã 3 lấp máy)		ông giữ chức Án sát tỉnh Hải Dương. Tháng 7/1870 được sang làm biện lý Bộ Hộ và sau đó giữ chức Tán tương giúp Tổng thống quân vụ đại thần Hoàng Tá Viêm "dẹp loạn" ở các tỉnh phía Bắc. Sau chiến dịch này, Tôn Thất Thuyết được phong chức "Quang lộc tự khanh" và làm Tán lý quân thứ Thái Nguyên. Tháng 12/1870 đến năm 1883 ông chỉ huy đánh nhiều trận đánh và đã giết chết viên chỉ huy quân sự trong đợt thực dân Pháp tiến đánh miền Bắc lần thứ nhất là đại úy Francis Garnier. Ông được giữ nhiều chức vụ. Ngày 19/7/1883, trước khi băng hà, vua Tự Đức chọn Tôn Thất Thuyết làm Đệ tam phụ chính đại thần cùng với Nguyễn Văn Tường và Trần Tiễn Thành để giúp Dục Đức kế vị ngôi vua. Ông mất tại Trung Quốc ngày 22/9/1913.
12.	Cù Chính Lan	1996	1.6	20.5	Ngã 4 Ngọc Trạo	Gác ghi phía Nam	Quê xã Quỳnh Lôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; trong chiến dịch Quang Trung (1950) được nêu gương “Anh hùng tay không diệt giặc”. Chiến dịch Hòa Bình (1951), anh hùng lựu đạn diệt xe tăng địch trên đường số 6 năm 1952, anh tham gia đánh đồn Gô Tô, bị cụt hai tay và một chân vẫn anh dũng chỉ huy đến hơi thở cuối cùng. Được truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.
13.	Hà Huy Tập	1996	0.6	5.5	Đường Nguyễn Vĩ Cừ	Khu địa chất 306	Ông sinh tại Hà Tĩnh, tham gia cách mạng từ năm 1927, Ủy viên Trung ương Đảng rồi Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương từ tháng 7/1936. Tháng 3/1938, ông bị Pháp bắt giam.

							Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại (11/1940), ông bị Pháp bắt lần thứ hai, buộc tội âm mưu khởi nghĩa, chúng xử bắn ông và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng như Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần... ngày 28/8/1941 tại Bà Điểm.
14.	Võ Thị Sáu	1996	0.9	9.5	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Đoàn kết	Quê quán tại xã Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa nay thuộc xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Mười bốn tuổi đã tham gia kháng chiến chống Pháp. Năm 1950, bị sa vào tay địch, suốt gần ba năm chị bị giam cầm, tra tấn dã man, dụ dỗ ngon ngọt, bị đày ra Côn Đảo nhưng thực dân Pháp vẫn không moi được một lời khai, chị đã bị xử bắn tại Côn Đảo ngày 23/1/1952.
15.	Tô Vĩnh Diện	1996	0.8	13.5	Đường Cù Chính Lan	Đến Lữ Đoàn 368	Quê quán thôn Dục Khê, xã Nông Trường, huyện Nông Cống (nay thuộc huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tám gương với hành động lấy thân mình chèn pháo trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
16.	Mai Hắc Đế	1996	0.25	7.0	Đường Võ Thị Sáu	Ngã 3 giao với đường Trần Bình Trọng	Tức Mai Thúc Loan, ông tập hợp những người dân phải đi phu cho chính quyền đô hộ nhà Đường, khởi nghĩa giải phóng thành Tống Bình, lên ngôi vua, xưng là Mai Hắc Đế, đóng đô ở thành Vạn An trên núi Vệ Sơn. Năm 722, quân nhà Đường sang đàn áp, ông thế yếu phải lui về Rú Đụn (Nam Đàn) rồi mất tại đó

17.	Đào Duy Anh	1996	0.2	4.5	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Mai Hắc Đế	Quê Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, Hà Nội, nhà văn hóa, nhà bách khoa thư hiện đại, nhà nghiên cứu sử học, văn học, ngôn ngữ học, tác giả nhiều cuốn từ điển (Hán - Việt, Pháp - Việt, Truyện Kiều) và sách nghiên cứu, lý luận có giá trị.
18.	Đoàn Kết	1996	0.8	4.5	Đường Cù Chính Lan	Nhà Bà Lê Thị Chiến (số 52, khu 3, phường Ngọc Trạo)	Đoàn Kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung. Đầu năm 1951 thời điểm cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân pháp xâm lược của dân tộc ta có nhiều diễn biến mới, Phát biểu tại hội nghị đại biểu Việt Minh - Liên Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói “Đoàn kết, đoàn kết đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công” Câu nói bất hủ đóa đã khái quát một chân lý trong quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đoàn kết là cái gốc làm nên thành công và đại đoàn kết tạo thành sức mạnh dẫn đến đại thành công.
19.	Nguyễn Đình Chiểu	1996	0.2	7.0	Đường Phan Huy Chú	Đường Lý Tự Trọng	Tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai (sau khi bị mù); là nhà thơ lớn của Việt Nam trong nửa cuối thế kỷ 19. Ông xuất thân trong gia đình nhà nho. Thuở nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu được mẹ nuôi dạy. Năm lên 6, 7 tuổi, ông theo học với một ông thầy đồ ở làng. Nguyễn Đình Chiểu sống ở Huế từ 11 tuổi (1833) đến 18 tuổi (1840), thi trở về Gia Định. Năm Quý Mão (1843), ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định lúc 21 tuổi. Khi ấy, có

							một nhà họ Võ hứa gả con gái cho ông. Năm 1847, ông ra Huế học để chờ khoa thi năm Kỷ Dậu (1849) thì nghe tin mẹ mất (1848), ông khóc thương mà bị mù, trở về Gia Định chịu tang rồi mở trường dạy học. Pháp chiếm Gia Định, ông ủng hộ Trương Định, viết nhiều thơ văn cổ vũ nhân dân chống Pháp. Tác giả các truyện Nôm nổi tiếng: Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu và Ngư Tiều y thuật vấn đáp.
20.	Phan Huy Chú	1996	0.25	9.0	QL1A	Vào Khu 1 Ngọc Trạo (nhà ông Đức)	Nhà bách khoa, nhà văn hóa nổi tiếng; con Phan Huy Ích, quê gốc Hà Tĩnh, sinh ở làng Thầy (Sài Gòn) huyện Yên Sơn (nay là Quốc Oai, tỉnh Hà Tây); chỉ đỗ sinh đồ, nhưng có thực tài, hay chữ, mở trường dạy học và soạn sách. Năm 1821 Minh Mạng bổ ông làm Biên tu Quốc sử giám; đi sứ nhà Thanh hai lần (1825-1831), Phủ thừa Phủ Thừa Thiên, Hiệp trấn Quảng Nam rồi bị cách chức bắt đi phục vụ đoàn thuyền sang Nam Dương quần đảo. Tác giả nhiều sách giá trị: Lịch triều hiến chương loại chí, Hoàng Việt dư địa chí, Hoa thiều ngâm lục.
21.	Lý Tự Trọng	1996	0.15	3.5	Q11A	Nhà bà Hà Thị Đào (khu 1 Ngọc Trạo)	Còn gọi là Lý Hữu Trọng, quê xã Thạch Minh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, gia đình phiêu bạt sang Thái Lan từ lâu và anh sinh ở đó. Năm 1926, Tổng hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trung Quốc sang Thái Lan chọn anh đưa về Quảng Châu học tập và được Nguyễn Ái Quốc

							đặt tên là Lý Tự Trọng. Anh giúp Tổng bộ làm liên lạc với đảng bạn và cán bộ cách mạng hoạt động ở Trung Quốc cũng như tổ chức chuyển tài liệu về nước, Năm 1929, anh về Sài Gòn công tác tại cơ quan trung ương An Nam cộng sản đảng. Trong cuộc mít tinh kỷ niệm khởi nghĩa Yên Bái 09-02-1931, anh bắn chết tên mật thám Logorăng (Legrand) để bảo vệ đồng chí Phan Bội đang diễn thuyết nên bị địch vây bắt. Chúng tra tấn anh rất dã man nhưng vẫn không khuất phục được chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi, nên đã xử tử hình anh ngày 21-11-1931.
22.	Nguyễn Bính	1996	0.15	7.0	QL1A	Nhà bà Nguyễn Thị Sơn (khu 2, Ngọc Trạo)	Tên thật là Nguyễn Trọng Bính là một nhà thơ lãng mạn nổi tiếng của Việt Nam. Ông được coi như là nhà thơ của làng quê Việt Nam với những bài thơ mang sắc thái dân dã, mộc mạc. Trong suốt 30 năm, Nguyễn Bính đã sáng tác nhiều thể loại như thơ, kịch, truyện thơ... Ông sáng tác rất mạnh, viết rất đều và sống hết mình cho sự nghiệp thi ca. Ông được đông đảo độc giả công nhận như một trong các nhà thơ xuất sắc nhất của thi ca Việt Nam hiện đại.:
23.	Phan Đình Phùng	1996	1.0	9.0	Đường Nguyễn Huệ	Giáp địa phận Quang Trung	Phan Đình Phùng hiệu Châu Phong, là nhà thơ và là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở cuối thế kỷ 19 trong lịch sử Việt Nam.

24.	Dương Đình Nghệ	1996	0.7	8.0	Đường Nguyễn Văn Cừ	Người Ái châu, làm tướng cho Khúc Hạo. Đời Hậu Lương, Lưu Nghiễm của nước Nam Hán tiếm hiệu vua ở đất Quảng Châu, lấy cớ Khúc Hạo chiếm cứ đất Giao Châu, sai Lý Khắc Chính và Lý Tri Thuận đánh chiếm Giao Châu. Con trai Khúc Hạo là Khúc Thừa Mĩ bị bắt. Dương Đình Nghệ dấy binh đánh bại Lý Khắc Chính. Vua Nam Hán cho Lý Tiến thay làm Thứ sử Giao Châu, Dương Đình Nghệ lại vây hãm. Vua Nam Hán sai Trần Bảo đem quân cứu Lý Tiến, Dương Đình Nghệ đón đánh chém Trần Bảo, giữ thành, xưng là Tiết độ sứ. Được 8 năm, Dương Đình Nghệ bị nha tướng Kiều Công Tiễn làm phản, giết chết lên thay.
25.	Phan Đình Giót	1996	0.5	8.0	Phía Bắc Đường Nguyễn Văn Cừ	Hết Khu dân cư Quê quán ở làng Tam Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Sau Cách mạng tháng Tám, Phan Đình Giót tham gia tự vệ chiến đấu. Đến năm 1950, Phan Đình Giót xung phong vào bộ đội chủ lực. Phan Đình Giót đã tham gia nhiều chiến dịch lớn như: Trung Du, Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ. Người anh hùng với hình ảnh lấy thân mình lấp lỗ Châu Mai trong trận mở màn diệt đồn Him Lam. Ông là một trong 16 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân được tuyên dương vì thành tích trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

26.	Lý Thường Kiệt	1996	0.74	7.0	Đường Nguyễn Văn Cừ	Qua đầu đường Hàn Thuyên (nhà ông Mai Văn Thứ)	Là người nổi tiếng tài giỏi. Khi giặc Tống có mưu đồ xâm lược, ông đề xuất chủ động đánh trước, tiêu diệt căn cứ xuất phát của địch ở ba châu: Ung, Khâm, Liêm (1075) giành thắng lợi lớn rồi rút quân về xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt (sông Cầu) chặn giặc, đánh tan quân Tống (1077). Tương truyền ông là tác giả bài Nam Quốc Sơn Hà, được coi như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta
27.	Đình Công Tráng	1996	1.0	4.0	Phía Đông đường Tôn Thất Thuyết	Hết khu dân cư	Quê ở huyện Thanh Liêm, Hà Nam, một lãnh tụ của phong trào Cần Vương chống Pháp ở vùng Ninh Bình, Thanh Hóa, lập chiến khu Ba Đình. Ông tử trận trong cuộc chiến ở Đô Lương (Nghệ An).
28.	Tổng Duy Tân	1996	0.4	8.0	Đường Trần Phú	Qua trạm xá khu thực phẩm cũ	Tổng Duy Tân đỗ cử nhân, đến năm Ất Hợi (1875), thi đỗ tiến sĩ. Bước đầu, ông được bổ làm Tri huyện, sau làm Đốc học Thanh Hóa rồi Thương biện tỉnh vụ.
29.	Chu Văn An	1996	0.2	13.5	Đường Trần Phú	Qua trường cấp 1 Ba Đình	Nhà giáo, nhà thơ, hiệu “Tiều Ẩn”, quê ở làng Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Ông đỗ Thái học sinh không ra làm quan, mở trường dạy học bên sông Tô, có nhiều học trò nổi danh. Vua mời ông ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Thấy bọn quan lại vô đạo, ông dâng sớ xin vua chém 7 tên gian nịnh không được bèn từ quan về ở ẩn và

							mất ở núi Phượng Hoàng, huyện Chí Linh (Hải Dương); ông có tập thơ Tiều Ân thi tập. Vua Trần cho thờ ông ở Văn Miếu và đình Thanh Liệt.
30.	Nguyễn Văn Trỗi	1996	0.5	9.0	Đường Trần Phú	Sông Tam Điệp	Quê quán tại làng Thanh Quýt, xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Chiến sĩ biệt động Sài Gòn, anh nhận nhiệm vụ đánh bom ở cầu Công Lý nhằm giết tên Mắc Namara - Bộ trưởng quốc phòng Mỹ. Công việc bị lộ, anh bị bắt dù bị tra tấn cực hình, nhưng anh một mực không khai, cuối cùng bị xử tử hình. Nguyễn Văn Trỗi là tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước, anh được truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.
31.	Hoàng Hoa Thám	1996	0.5	9.0	Đường Trần Phú	Sông Tam Điệp	Thường gọi là Đề Thám, tên thật là Trương Nghĩa, quê Tiên Lữ, Hưng Yên; nhưng sinh tại Sơn Tây. Ông lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế năm 1887, lập căn cứ ở Bắc Giang, chống Pháp dai dẳng 26 năm. Pháp không diệt nổi phải đình chiến thương lượng mấy lần, sau bị sát hại ở vùng rừng Yên Thế. Ông là một anh hùng nông dân yêu nước, có tinh thần bất khuất, kiên cường trong lịch sử cận đại. Cụ Phan Bội Châu tôn ông là Chân tướng quân (Tướng quân chân chính). Đề Thám đã trở thành thần tượng một thời trong lòng mến mộ của nhân dân.
32.	Đào Duy Từ						Sử sách đều nhất trí chép: Đào Duy Từ là soạn giả cuốn sách Hồ Trướng khu cơ. Như tên gọi, sách là một tài liệu

		1996	0.1	4.0	Đường Hoàng Hoa Thám	Suôi	dùng cho các vị chỉ huy quân sự, các vị chủ soái; gồm những chỉ dẫn về binh pháp, trận đồ, cách điều hành, tổ chức quân đội, khí giới. Loại tài liệu này, ở nước ta rất hiếm. Chỉ biết rằng, dưới triều Trần, vị tiết chế Trần Quốc Tuấn có những bộ Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp bí truyền v.v..., hiện nay chưa tìm được nguyên bản (bản dịch của Nxb Sử học trước đây có lẫn lộn cả nhiều ý kiến người đời sau; không phải là nguyên văn của Trần Hưng Đạo). Hồ Trướng khu cơ của Đào Duy Từ là tác phẩm quân sự có lẽ là nguyên vẹn cho đến ngày nay. Sau này Lương Huy Bích (một tác giả Thanh Hoá hồi giữa thế kỷ XIX) có tham khảo để viết trong cuốn Kỷ sự Tân biên. Trong sách Hồ trướng khu cơ có một đoạn cho thấy rõ là ông đã tiến hành việc đắp các chiến lũy ở Quảng Bình dưới con mắt sắc sảo của một vị tướng.
33.	Tô Hiệu	1996	0.25	4.5	Đường Hoàng Hoa Thám	Hết khu dân cư (suối)	Quê quán thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Ông sớm tham gia vào các phong trào yêu nước của học sinh như bãi khoá truy điệu Phan Chu Trinh, tham gia phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu. Năm 1930, bị bắt và bị đày ra Côn Đảo; năm 1934 ra tù, hoạt động Mặt trận Dân chủ ở Hà Nội. Tháng 12-1939, ông lại bị Pháp bắt, giam tại nhà tù Sơn La. Do bị tra tấn, tù đầy gian khổ, ông lâm bệnh nặng, qua đời.

							Đến nay tại di tích - nhà tù này vẫn còn cây đào do ông trồng.
34.	Phan Bội Châu	1996	0.5	5.0	Ngã 3 giao với đường Nguyễn Đức Cảnh, đường Lương Thế Vinh	Trường Mầm non Ba Đình	Chí sĩ yêu nước chủ trương làm cách mạng dân chủ tư sản, đã từng lên thăm nghĩa quân Yên Thế tại Phồn Xương. Ông còn là nhà văn, nhà tư tưởng, để lại nhiều tác phẩm như: Hải ngoại huyết thư, Việt Nam vong quốc sử, Kỷ niệm lục, Hà thành liệt sĩ truyện, Chân tướng quân, Phan Bội Châu niên biểu
35.	Lê Chân	1996	0.3	9.0	Từ đường Trần Phú	Sông Tam Điệp	là nữ tướng của Hai Bà Trưng. Bà được coi là người có công khai khẩn lập nên vùng đất đời sau phát triển thành thành phố Hải Phòng ngày nay.
36.	Lê Văn Hưu	1996	0.2	10.0	Đường Trần Phú	Trường Cấp 1 Ba Đình	Ông là người hương Phủ Lý, nay là xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá. Đỗ Bảng Nhãn năm 1247, được giữ chức Học sĩ viện Hàn lâm, kiêm Giám tu quốc sử. Cuối đời thăng Thượng thư bộ Binh, tước Nhân uyên hầu. Ông là cháu bảy đời của Lê Lương, một vị hào trưởng ở đất Ái Châu, đời vua Đinh Tiên Hoàng, nhưng đến đời Trần thì sa sút. Lê Văn Hưu là con của ông Lê Văn Minh và bà Đỗ Thị Hoà, lúc bé theo học thầy giáo họ Nguyễn

ở làng Phúc Triền nổi tiếng thần đồng. Năm Đinh Mùi 1247, thi đỗ Bảng nhãn đồng thời với Trạng nguyên Nguyễn Hiền, Thám hoa Đặng Ma La, rồi được giao nhiều chức vụ. Ông đã sống gần trọn một thế kỷ, trực tiếp tham gia chống quân Nguyên Mông lần thứ I (1258) và lần thứ II (1285).

Lê Văn Hưu là nhà Sử học đầu tiên ở Việt Nam. Năm 1272, ông soạn xong bộ Đại Việt sử ký gồm 30 quyển. Bộ sách này ngày nay đã mất chỉ còn sót lại một số lời bình được Ngô Sĩ Liên trích đưa vào bộ Đại Việt sử ký toàn thư. Qua những lời bình ấy, người ta nhận được tư tưởng và phong cách của Lê Văn Hưu. Ông là nhà sử học uyên bác, có tinh thần dân tộc cao, có phương pháp chép sử vững vàng, có tinh thần dân tộc, có cách diễn đạt dồi dào tình cảm.

Là tướng nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Đầu tháng 4 năm 1885, thời vua Hàm Nghi, ông cùng tướng Tôn Thất Thuyết đánh Pháp đóng ở đồn Mang Cá trong trận Kinh thành Huế. Sau khi thất bại, ông lãnh nhiệm vụ tổ chức phong trào Cần vương kháng Pháp ở Thanh Hóa.

Quê quán xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Trong một trận đánh ác liệt chống trả máy bay Mỹ, ông

37.	Trần Xuân Soạn	1996	0.3	7.5	Đường Trần Phú	Đông Tòa án đi sông tam điệp
38.	Nguyễn Viết Xuân	1996	0.22	7.0	Đường Trần Phú	Phía Đông Viện KS

						đến sông Tam Điệp	bị bom phạt gần đứt một chân, đã bảo y tá cắt nốt phần thịt còn dính, để cổ vũ đồng đội chiến đấu. Tiếng hô “Nhằm thẳng quân thù mà bắn!” của Nguyễn Viết Xuân đã trở thành tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.
39.	Lê Chí Trực	1996	0.35	7.0	Đường Trần Phú	Qua phía Tây công ty XD số 5 đến sông Tam Điệp	Quê ở làng Thanh Thủy, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, làm Đê đốc Hà Nội, Pháp đánh thành, ông không giữ được cửa Tây, phải rút quân lên Sơn Tây và bị triệu hồi. Sau tham gia phong trào Cần Vương, cùng Nguyễn Phạm Tuân khởi binh ở Quảng Bình cho đến khi vua Hàm Nghi bị bắt (1888), ông giải tán nghĩa binh, lui về sống ẩn ở quê nhà.
40.	Lê Hữu Lập	1996	0.15	4.5	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Lê Đình Chinh	là một nhà hoạt động cách mạng Việt Nam thời kỳ trước năm 1945. Ông là Bí thư tỉnh ủy lâm thời đầu tiên của Thanh Hóa
41.	Lê Đình Chinh	1996	0.4	4.5	Đường Trần Phú	Hết tường rào phía Bắc trường THPT Bim Sơn	Ông là chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang (nay là Bộ đội Biên phòng) đầu tiên tử trận trong chiến tranh biên giới Việt-Trung 1978-1979, tại mặt trận huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn trong khi thi hành nhiệm vụ ngăn cản quân Trung Quốc tràn qua biên giới Việt Nam. Tên tuổi của Lê Đình Chinh trở thành một trong những biểu tượng anh hùng của thế hệ thanh niên Việt Nam trưởng thành trong khói lửa chiến tranh vệ quốc.

42.	Ngô Quyền	1996	0.35	7.0	Đường Trần Phú	Đường Tôn Thất Thuyết	Theo Dương Đình Nghệ khởi nghĩa đánh thành Đại La, đuổi quân Nam Hán (931). Cuối năm 938, Ngô Quyền đã dựng trận địa cọc ở cửa sông Bạch Đằng, lợi dụng thủy triều, đưa chiến thuyền của địch vào bẫy và bị vỡ nát. Thắng giặc ngoại xâm ông lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa, lập ra nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên ở nước ta
43.	Lê Văn Tám	1996	0.3	5.5	Đường Trần Phú	Giao với đường Đinh Công Tráng	Lê Văn Tám là cái tên của một thiếu niên anh hùng trong thời kỳ chiến tranh Đông Dương của Việt Nam với chiến tích nổi bật là tự đốt mình để lao vào phá hủy một kho xăng của quân địch. Sau chiến tranh, hình ảnh Lê Văn Tám được coi là một biểu tượng anh hùng cách mạng, được nhắc tới cho đến tận ngày nay trong sách giáo khoa để các em thiếu nhi học tập tấm gương của một thiếu niên anh hùng dân tộc, đã xả thân vì nghiệp lớn giải phóng dân tộc
44.	Nguyễn Bá Ngọc	1996	0.18	7.0	Đường Trần Phú	Đường Chu Văn An và	Năm 1965, khi đang học lớp 4B trường PTCS Quảng Trung, Ngọc là một học sinh chăm ngoan học giỏi và rất hay giúp đỡ bạn bè. Cũng năm đó giặc Mĩ mở rộng chiến tranh và cho máy bay đánh phá các tỉnh miền Bắc nước ta, chúng ném bom cả trường học, bệnh viện...Sáng ngày 4 tháng 4 năm 1965 đế quốc Mĩ cho máy bay bắn phá vào xã Quảng Trung, quê hương của Nguyễn Bá Ngọc. Bố mẹ đi làm đồng, Ngọc

						Trần Xuân Soạn	một mình đưa các em nhỏ xuống hầm tránh bom. Trong lúc bom đạn đang gầm rú, Ngọc bỗng nghe tiếng khóc bên nhà bạn Khương. Không quản nguy hiểm Ngọc ra khỏi hầm và băng mình sang nhà Khương. Bạn Khương đã bị thương nặng, hai em của Khương đang sợ hãi gào khóc. Ngọc vội lấy thân mình che chở cho hai em và dìu các em xuống hầm. Cứu được hai em nhỏ an toàn, nhưng Ngọc bị trúng bom bi của giặc. Mặc dù đã được các bác sĩ tận tình cứu chữa nhưng do vết thương quá nặng Nguyễn Bá Ngọc đã anh dũng hy sinh vào lúc 2 giờ sáng ngày 5-4-1965, khi ấy Ngọc mới bước sang tuổi 14.
45.	Bùi Thị Xuân	1996	0.3	7.0	Đường Trần Phú	Qua khu dân cư lắp máy số 5	Quê phủ Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, vợ Trần Quang Diệu, cả hai đều là tướng tài của Tây Sơn, lập nhiều võ công. Đến thời vua Quang Toản thất thế, vợ chồng bà và con cái bị nhà Nguyễn bắt và giết hại. Bà hy sinh lâm liệt, giữ tròn tiết tháo.
46.	Cao Thắng	1996	0.3	7.0	Đường Trần Phú	Qua khu dân cư lắp máy số 5	Quê ở làng Yên Đức, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, tham gia khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng chỉ huy năm 1885, ông hy sinh trong một trận đánh đồn Pháp ở Thanh Chương (Nghệ An). Ông được cụ Phan Đình Phùng tin cậy giao trách nhiệm chỉ huy quân sự. Nhờ có Cao Thắng, nghĩa quân trưởng thành nhanh chóng, mở rộng địa bàn, thanh thế vang dội ở 4 tỉnh miền

						Trung. Đặc biệt, Cao Thắng đã tìm mọi cách chế tạo được súng trường để trang bị cho nghĩa quân. Súng của Cao Thắng chế tạo làm cho các sĩ quan Pháp và kỹ sư Âu châu phải kinh ngạc, vì nó chỉ là kết quả của sự mày mò, bất chước của những người thợ rèn Nghệ Tĩnh, không có máy móc và tri thức khoa học hiện đại.
47.	Lê Quý Đôn	1996	0.18	7.0	Đường Trần Phú	Đường Chu Văn An và Trần Xuân Soạn Đỗ bảng nhãn, vào làm ở Hàn lâm viện, được giao soạn quốc sử. Năm 1767 chúa Trịnh phong chức Bồi tụng, làm Hiệp trấn Nghệ An, rồi về triều giữ chức Thượng thư bộ Công. Ông là nhà bác học, nhà văn hoá lớn, để lại nhiều tác phẩm giá trị về văn, sử, triết, kinh tế, địa lý... như "Phủ biên tạp lục", "Vân đài loại ngữ", "Kiến văn tiểu lục", "Đại Việt thông sử"... mang tính bách khoa toàn thư.
48.	Đội Cấn	1996	0.3	7.0	Đường Trần Phú	Qua khu dân cư lắp máy số 5 Đội Cấn (Trịnh Văn Cấn) (?-1918): quê xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc) làm đội lính khổ xanh ở Thái Nguyên, được Lương Ngọc Quyến (bị giam ở đây) giác ngộ, phát động khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30-8-1917; bị Pháp đàn áp rút quân vào rừng Vĩnh Yên, thế cùng lực tận, ông tự sát, không chịu để giặc bắt.
49.	Yết Kiêu	1996	0.18	7.0	Đường Trần Phú	Đường Chu Văn An và Trần Gia tướng thân cận của Trần Hưng Đạo, sống vào thế kỷ XIII. Có tài lặn sâu, bơi lội giỏi, nhiều lần đục đấm thuyền giặc. Ông cùng với Dã Tượng thành một cặp tướng bên

						Xuân Soạn	nhau lập nhiều chiến công trong kháng chiến chống quân Nguyên - Mông từ 1285 đến 1288
50.	Hàm Nghi	1996	0.3	7.0	Đường Trần Phú	Qua khu dân cư lắp máy số 5	Chỉ sĩ yêu nước chủ trương làm cách mạng dân chủ tư sản, đã từng lên thăm nghĩa quân Yên Thế tại Phồn Xương. Ông còn là nhà văn, nhà tư tưởng, để lại nhiều tác phẩm như: Hải ngoại huyết thư, Việt Nam vong quốc sử, Kỷ niệm lục, Hà thành liệt sĩ truyện, Chân tướng quân, Phan Bội Châu niên biểu
51.	Nguyễn Thiện	1996	0.25	5.0	Đường Trần Phú	Khu dân cư phía Tây Bắc đền Cây Vải	Thần Nguyễn Thiện sinh ngày 9/2 năm Canh Tý (chưa xác định rõ năm nào), Thần quê ở Trang Nguyên Xá, Huyện Thiên Phúc, Trấn Nghệ An (nay là xã Nghi Phúc, huyện Nghi Lộc Tỉnh Nghệ An). Trong gia đình có 3 chị em, hai chị gái đầu và Thần là thứ Ba. Sau này Thần cũng chỉ sinh được con gái nên không được ghi vào Ngọc lục. Thần có tư chất thông minh, văn võ toàn tài, làm quan đến chức Huyện lệnh huyện Yên Mô, Ninh Bình. Vào năm Hồng Đức Nguyên Niên (tức vào năm 1470). Năm ấy giặc Chiêm Thành sang quấy rối, Vua nhà Lê (Lê Thánh Tông) thân chinh ngự giá đi đánh dẹp; Thần phụng mệnh theo Vua đi đánh giặc. Lúc Vua bị vây hãm nơi trận đồ, Thần cùng gia binh dũng cảm tiến đánh giải vây cho Nhà Vua và bắt sống được nhiều tướng sĩ của

						Thượng lên Cửa Đạt, rồi lên đền Bát Mọt. Dọc theo sông Đạt, Cầm Bá Thước cho xây dựng rất nhiều đồn lũy, lập nhiều căn cứ kháng chiến, vào khoảng cuối tháng 5 năm Ất Mùi (1985), ông bị quân Pháp bí mật thủ tiêu. Năm đó, ông Cầm Bá Thước mới 37 tuổi.
55.	Nguyễn Kiên	1996	0.15	5.5	Đường Trần Phú	Đông tường rào nhà máy gạch đến khu dân cư Sách Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn đã chép Nguyễn Kiên là người xử kiện nghiêm minh, phá được những vụ án rắc rối, bắt đúng thủ phạm. Ông dẹp yên được nhiều bọn phi quấy rối, làm cho nhân dân an cư lạc nghiệp. Khi ông mất, triều đình cử nhiều người thay thế nhưng đều bất lực. Mãi sau mới phải chọn vị trọng thần là Đặng Đình Tướng (bậc nhất trong triều) ra thay, mới yên được lòng dân. - Những nét nổi bật nhất, văn hoá nhất ở Nguyễn Kiên là tài tổ chức kinh tế, xây dựng đô thị. Ông đã xây dựng nên Phố Hiến ở Hưng Yên. Đương thời có câu: thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến, thì công lao này thuộc về Nguyễn Kiên. Ông đã thay mặt triều đình giao thiệp và cộng tác với các thương điểm ngoại quốc để buôn bán ở phố này, có cả người Hà Lan, Nhật Bản, Thái Lan v.v... Ông đã chiêu tập những Hoa Kiều, cho họ mở mang kinh doanh, đặt tên phường là Vạn Lai triều. Ông cho thi hành những chính sách thương nghiệp và thuế khoá hợp lý,

							làm cho các thương khách nức lòng, hợp tác buôn bán với người Việt.
56.	Phạm Bành	1996	0.2	5.5	Đường Trần Phú	Qua nhà ô Chân nhà máy gạch (Cty Gốm)	Năm 1885, hưởng ứng <u>chiếu Cần Vương</u> của vua <u>Hàm Nghi</u>, ông bỏ quan về quê cùng với Hoàng Bật Đạt mộ quân khởi nghĩa. Giữa năm 1886 ông được cử cùng với <u>Hoàng Bật Đạt</u>, <u>Đinh Công Tráng</u> và một số tướng lĩnh khác xây dựng <u>căn cứ Ba Đình</u> nhằm bảo vệ cửa ngõ <u>miền Trung Việt Nam</u> và làm bàn đạp đánh địch ở đồng bằng. Căn cứ Ba Đình thuộc địa phận huyện Nga Sơn (<u>Thanh Hoá</u>). Sở dĩ gọi là <u>Ba Đình</u> vì nơi đây gồm 3 <u>làng</u>: <u>Mỹ Khê</u>, <u>Thượng Thọ</u>, <u>Mậu Thịnh</u> ở liền nhau, mỗi làng có một ngôi đình, đứng ở làng này sẽ nhìn thấy đình ở hai làng bên và có một ngôi nhà chung, Lập căn cứ Ba Đình nghĩa quân có thể kiểm soát và khống chế đường số 1 (là con đường đi yết hầu của địch từ Bắc vào Nam), hơn thế nữa địa thế nơi đây rất thuận lợi cho việc xây dựng một căn cứ phòng ngự kiên cố và từ đó nghĩa quân có thể toả ra ngăn chặn những hoạt động của địch ở khu vực giữa <u>Ninh Bình</u> và <u>Thanh Hóa</u>. Sau những thất bại nặng nề ở <u>Ba Đình</u>, <u>thực dân Pháp</u> chủ trương tập trung đủ mọi binh chủng, có pháo binh yểm trợ đã tiến hành bao vây và mở nhiều đợt tấn công mới hạ nổi được Ba Đình. Mặc dù tuổi già sức yếu (lúc này ông đã 60 tuổi) nhưng Phạm Bành luôn có mặt ở trận địa, nơi nguy hiểm nhất để động viên và khích lệ các nghĩa binh chiến đấu. Sau khi Ba Đình thất thủ, ông đưa nghĩa quân rút về căn

							cứ dự phòng ở Mã Cao (huyện Yên Định) ngay đêm <u>20 tháng 2 năm 1887</u>, rồi lánh về quê. Nhưng sau để cứu mẹ già và con là Phạm Tiêu bị quân Pháp bắt làm con tin, ông đã ra đầu thú và uống thuốc độc tự tử ngay sau khi mẹ và con được thả ngày 18 tháng 3 năm <u>Đinh Hợi</u> (tức ngày <u>11 tháng 4 năm 1887</u>) để tỏ rõ khí tiết của mình. Tên của ông được vinh danh đặt cho 1 con đường ở <u>quận Bình Tân</u> (Tp.Hồ Chí Minh), một tuyến phố ở <u>Tp.Thanh Hóa</u>, một tuyến phố ở <u>Tx.Sầm Sơn</u> (Thanh Hóa) và một tuyến phố ở thị trấn nhỏ <u>Hậu Lộc</u> quê ông.
57.	Nguyễn Quốc Trị	1996	0.3	5.0	Đường Trần Phú	Đường Ngô Thị Nhậm	Ông là một trong 4 anh hùng quân đội đầu tiên của Việt Nam. Trước Cách mạng Tháng 8, Nguyễn Quốc Trị tham gia hoạt động chống chính sách bắt dân làm phu, nên bị thực dân Pháp bắt giam. Năm 1944, Nhật thế chân Pháp ở Việt Nam, ông cùng các anh em phá ngục, xung phong vào đội tự vệ tiên phong chống Nhật. Trong trận tham gia đánh Nhật đầu tiên, ông đã cùng tiểu đội diệt được 10 tên giặc, đốt cháy 5 xe. Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ông tham gia bộ đội chủ lực. Cuối năm 1946 - đầu năm 1947, ông đã xung phong tham dự nhiều trận đánh ở Vinh, Huế, Đông Hà cùng đồng đội diệt hàng trăm và bắt sống nhiều địch. Riêng ông đã diệt 19 lính Pháp và 2 lính Nhật. Trong chiến dịch Thu Đông năm 1950, Nguyễn Quốc Trị đã chỉ huy một trung đội đánh tan 2 trung đội của Trung đoàn Lơ-pa-giơ, diệt và bắt 22 người, cùng đơn vị phá gãy kế hoạch

						hợp quân của quân Pháp, tạo chia cách, mất thể quân binh, hàng ngũ hoang mang dẫn đến tan rã. Nguyễn Quốc Trị được phong Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào ngày 19 tháng 5 năm 1952, là một trong 4 anh hùng đầu tiên của quân đội nhân dân Việt Nam (cùng các anh hùng: liệt sĩ Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên). Ngày 10 tháng 10 năm 1954, sau khi trở về thủ đô Hà Nội, lúc đó ông là Trung đoàn trưởng Trung đoàn Thủ đô thuộc Đại đoàn quân Tiên Phong vào tiếp quản Hà Nội và được vinh dự đề cử kéo Quốc kỳ tại lễ mừng giải phóng thủ đô. Ngày 16 tháng 8 năm 1967, lúc đó đang là Hiệu trưởng trường Quân chính Quân khu 4, Nguyễn Quốc Trị đã mất vì bom nổ tại làng Phụng Kỳ, quê hương ông, trong một lần về thăm quê.
58.	Thi Sách	1996	0.2	5.5	Đường Trần Phú	Qua phía Tây thị đội vào đông đến cây vải Huyện lệnh Chu Diên và là chồng bà Trung Trắc. Ông chống lại sự đô hộ tàn bạo của nhà Đông Hán, bị Thái thú Tô Định giết hại. Hai chị em bà Trung đã tiếp tục sự nghiệp cứu nước. Hai Bà khởi nghĩa năm 40 giành lại nền tự chủ.
59.	Trần nguyên Hãn	1996	2.0	3.0	Cầu Chuyên gia	Hết khu dân cư Dòng dõi nhà Trần, Trần Nguyên Hãn vào Lam Sơn, Thanh Hóa theo Lê Lợi khởi nghĩa chống quân Minh, tham gia đánh thắng trận Xương Giang, bắt sống tướng giặc Hoàng Phúc, Thôi Tụ. Bình công được phong Tả

							tướng quốc (1428). Sau bị vua Lê nghi ngờ, ông nhảy xuống sông tự vẫn. 26 năm sau mới được Lê Nhân Tông minh oan
60.	Đinh Tiên Hoàng	1996	1.7	4.0	Đường Đặng Tiến Đông	Đường Trần Nguyên Hãn	Theo Dương Đình Nghệ khởi nghĩa đánh thành Đại La, đuổi quân Nam Hán (931). Cuối năm 938, Ngô Quyền đã dựng trận địa cọc ở cửa sông Bạch Đằng, lợi dụng thủy triều, đưa chiến thuyền của địch vào bẫy và bị vỡ nát. Thắng giặc ngoại xâm ông lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa, lập ra nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên ở nước ta
61.	Tôn Thất Tùng	1996	0.5	5.5	Đường Trần Phú	Cổng phụ Bệnh viện Bim Sơn	Anh hùng lao động, giáo sư - bác sĩ, nhà bác học Việt Nam, nổi tiếng thế giới về phẫu thuật gan. Người Huế - Thừa Thiên. 27 tuổi đã được Đại học Tổng hợp Paris tặng huy chương bạc về luận án tĩnh mạch gan. Năm 1939 mổ thành công ca cắt gan đầu tiên ở Paris. Trong kháng chiến chống Pháp làm Thứ trưởng Bộ Y tế, góp phần xây dựng Trường Đại học Y. Sau hòa bình, ông làm Chủ nhiệm khoa Ngoại Trường Y, Giám đốc Bệnh viện Việt - Đức, cống hiến nhiều công trình có giá trị cho ngành Y, đào tạo nhiều lớp bác sĩ; được bầu viện sĩ của nhiều Viện Hàn lâm trên thế giới; giảng dạy nhiều trường Đại học lớn của các nước. Huy chương Vàng Quốc tế Lannolônggiơ của viện Hàn lâm phẫu thuật Paris (1977),

							được giới Y học toàn cầu đánh giá cao. Ông mất ngày 7/5/1982 tại Hà Nội, được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.
62.	Kim Đồng	1996	0.2	7.0	Từ giáp đường Lê Lợi	Đến Công trường THCS xi măng	Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền (1929-1943): dân tộc Nùng, quê ở bản Nà Mạ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng – gần hang Pắc Pó, đi theo cách mạng làm liên lạc cho Việt Minh những năm tiền khởi nghĩa, được kết nạp vào đội Nhi đồng cứu quốc đầu tiên. Một lần đi công tác, anh bị giặc Pháp bắn chết lúc mới 15 tuổi. Kim Đồng là tấm gương tiêu biểu cho thiếu nhi Việt Nam. Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.
63.	Lê Đại Hành	1996	0.9	5.0	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Tức Lê Hoàn, một tướng giỏi, được triều Đinh phong chức Thập đạo Tướng quân. Quân Tống sang xâm lược, thái Hậu họ Dương và triều đình tôn ông lên làm vua để đánh giặc. Sử sách gọi là Đại Hành hoàng đế (980 - 1005), chỉ huy quân dân đánh giặc Tống, lập công lớn ở Chi Lăng và Bạch Đằng (981), buộc nhà Tống phải công nhận chủ quyền nước ta: nước Đại Cồ Việt với kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình)
64.	Nguyễn Xuân	1996	0.4	4.5	Ngã 3 giao với Đường Lê Đại	Nhà ông Nguyễn Văn Lân (khu 5,	

					Hành	phường Đông Sơn)	
65.	Nguyễn Trường Tộ	1996	0.65	8.0	Đường Lê Lợi	Hết Khu dân cư Đồi mơ	Một giáo dân người làng Bùi Chu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; được giám mục người Pháp đưa sang học ở Paris, 1861 ông về nước, có kiến thức rộng, muốn cải cách xã hội, chấn hưng đất nước bằng công nghiệp nhưng do triều Tự Đức thủ cựu đã gạt bỏ 58 bản điều trần tiến bộ của ông từ năm 1863 đến năm 1871.
66.	Nguyễn Tri Phương	1996	0.45	5.5	Đường Lê Lợi	Đi đồi ông (Nam trường XD)	Con cụ Lương Văn Can, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội. Ông hưởng ứng phong trào Đông Du, sang Nhật theo Phan Bội Châu, lập Việt Nam Quang phục hội ở Trung Quốc, bị bắt giải về Việt Nam, giam ở nhà lao Thái Nguyên, ông liên lạc với Đội Cấn, làm cuộc binh biến khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30-8-1917. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, ông hi sinh trong cuộc chiến.
67.	Tạ Quang Bửu	1996	0.2	7.0	Đường Lê Lợi	Trường Lam Sơn 3	Là giáo sư, nhà khoa học Việt Nam, người đặt nền móng cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự Việt Nam, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khóa VI (1946 - 1981).

68.	Nguyễn Thị Minh Khai	1996	0.4	5.5	Đường Lê Lợi	Xóm Trường Sơn	Quê quán xã Vĩnh Yên, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, một trong những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1940. Năm 1930 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách vận động vùng Trường Thi - Bến Thủy rồi sang công tác ở Quốc tế Cộng sản tại Hương Cảng, bị chính quyền Quốc dân Đảng Trung Quốc bắt giam (1931 - 1934). Năm 1936 về nước, tham gia Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, chỉ đạo khởi nghĩa Nam Kỳ và bị bắt tháng 7-1940. Pháp xử bắn bà tại Hóc Môn ngày 28/8/1941.
69.	Đoàn thị Điểm	1996	0.5	5.5	Giáp đường Lê Lợi	Hết Khu dân cư	Hiệu "Hồng Hà nữ sĩ", quê ở xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên. Từ nhỏ đã hay chữ, từng lên Thăng Long dạy cung nữ trong phủ Chúa. Bà lấy ông Nguyễn Kiều, tiến sĩ người làng Phú Xá (nay thuộc phường Phú Thượng, quận Tây Hồ). Bà là tác giả Truyền kỳ tân phả và dịch giả Chinh phụ ngâm.
70.	Phan Chu Trinh	1996	1.5	7.5	Đường Trần Phú	Đường Trần Hưng Đạo	Ông là nhà thơ, nhà văn, và là chí sĩ thời cận đại trong lịch sử Việt Nam. Khoa Canh Tý (1900), Phan Châu Trinh đỗ cử nhân thứ ba ở trường Thừa Thiên. Năm sau (1901), triều đình mở ân khoa, ông đỗ phó bảng, đồng khoa với tiến sĩ Ngô Đức Kế và phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Năm Quý Mão (1903) được bổ làm Thừa biện Bộ Lễ. Năm 1904 cụ

						xin từ quan. Phan Chu Trinh dành nhiều thời gian cho việc sáng tác văn thơ và kết giao với các sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu, Ngô Đức Kế... đọc "tân thư", tiếp thu tư tưởng cách mạng tư sản phương Tây, tìm hiểu cuộc duy tân ở Nhật Bản. Ngày 24-3-1926, lúc 21 giờ 30, cụ từ trần, hưởng thọ 54 tuổi. Đám tang và Lễ truy điệu Phan Chu Trinh trở thành cuộc vận động ái quốc rộng lớn.
71.	Phạm Hồng Thái	1996	0.25	5.5	Đường Lê Lợi	Nhà xe XN1 cũ Tên thật là Phạm Thành Tích hoặc Phạm Đài; người làng Do Nha, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, làm thợ nhà máy xe lửa Tràng Thi và nhà máy Diêm Bến Thủy. Năm 1923 được Lê Hồng Phong đưa sang Trung Quốc, gia nhập Tâm tâm xã - mưu giành độc lập cho Tổ Quốc. Ông tham gia mưu sát tên toàn quyền Méc-lanh khi đến thăm Quảng Châu và bị địch đuổi bắt đã nhảy xuống sông Châu hy sinh. Mộ ông chôn ở Hoàng Hoa Cương cùng với các chiến sĩ Trung Hoa hy sinh trong Cách mạng Tân Hợi (1911).
72.	Hà Văn Mao	1996	0.7	4.0	Đường Lê Lợi	Đường Phạm Bành Là một thủ lĩnh nghĩa quân người dân tộc Mường hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp tại Thanh Hóa cuối thế kỷ 19. Gia đình ông nhiều đời làm thủ lĩnh bộ tộc Mường ở vùng thượng đạo Thanh Hóa, được triều Nguyễn gia phong quan tước. Bản thân ông cũng là một thổ ty Mường ở vùng châu Quan Hóa.

73.	Nguyễn Du	1996	0.15	9.0	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Khuyến	Đại thi hào dân tộc, người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; sinh ra ở làng Bích Châu, thành Thăng Long. Ông có tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, xuất thân trong một gia đình quý tộc. Đậu tú tài, làm chức quan nhỏ thời Lê Mạt. Khi Tây Sơn ra Bắc Hà, ông lánh về quê vợ ở Thái Bình, rồi về quê nội. Thời Gia Long ông được bổ trí làm Tri huyện, Tri phủ, phong hàm Cần chánh điện học sĩ, từng đi sứ sang Trung Quốc. Ông để lại nhiều thi phẩm Hán-Nôm, trong đó có tác phẩm bất hủ “Truyện Kiều”. Ông được UNESCO phong là Nhà văn hóa thế giới. Năm 1966, các châu lục đều tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông.
74.	Hồ Tùng Mậu	1996		9.0	Đường Bà Triệu	Đội 10 Nông Trường	Quê làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; tên chính là Hồ Bá Cự, tham gia cách mạng từ sớm, hoạt động ở Lào, Thái Lan, Trung Quốc. Năm 1926 vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, tham gia khởi nghĩa Quảng Châu, bị bắt ba lần, năm 1930 tham gia Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản. Năm 1931 bị bắt giải về nước giam ở Tây Nguyên. Ông vượt trại về hoạt động ở miền Trung. Ông đã giữ các chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến – Hành chính Liên khu IV, Tổng Thanh tra Chính phủ, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II. Ông hy sinh trên đường đi công tác ở Thanh Hóa.

75.	Hoàng Diệu	1996	0.7	7.0	Đường Bà Triệu	Qua Khu Cừ long nổi đường Hồ Tùng Mậu	Quê ở Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đỗ Phó bảng, giữ chức Tổng đốc Hà - Ninh (Hà Nội - Ninh Bình) Pháp đánh thành Hà Nội (25-4-1882), Hoàng Diệu chỉ huy cuộc chiến đấu tới cùng. Thấy không đủ sức chiến đấu, ông thắt cổ tử tiết trên cây táo cạnh Võ Miếu. Tượng đồng của ông và Nguyễn Tri Phương được đặt tại Cửa Bắc thành Hà Nội để ghi nhớ hai ông đã hy sinh chống Pháp đánh thành.
76.	Lê Lai	1996	0.5	9.0	Đường Trần Hưng Đạo	Vào hội trường Khu phố 4 Bắc Sơn	Năm 1416 theo Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn, tại Hội thề Lũng Nhai. Năm 1418, quân Minh bao vây chặt nghĩa quân ở vùng núi Chí Linh (Thanh Hoá), Lê Lai đã tình nguyện cải trang làm Lê Lợi, xông ra trận tiền để giặc bắt và giết đi, nhờ vậy Lê Lợi thoát nạn hiểm, tiếp tục mưu đồ nghiệp lớn. Đất nước toàn thắng Lê Lợi lên ngôi vua, truy phong ông là Thái úy “Đệ nhất công thần”
77.	Trần Quang Khải	1996	0.3	7.0	Đường Trần Hưng Đạo	Hết khu phố 5 đến tuổi	Con thứ hai Trần Thánh Tông; giúp vua trị nước, làm tới chức Thượng tướng, Thái sư. Trong kháng chiến chống Nguyên – Mông, ông đảm nhận việc ngoại giao, là tướng chỉ huy lập nên chiến thắng Chương Dương (1285); tác giả tập thơ Lạc đạo để cho đời, trong đó có bài Tụng giá hoàn kinh sư nổi tiếng
78.	Phùng Hưng	1996	1.0	4.5	Đường Nguyễn	Giao với đường	Người làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc xã Đường lâm, thành phố Sơn Tây, Hà Nội); nổi tiếng khỏe mạnh, từng là đô vật, làm quan lang, khởi

					Huệ (QL1A)	Đặng Quang	nghĩa chống lại sự đô hộ của nhà Đường khoảng đời Đại Lịch (776-779), chiếm được thành Tống Bình (Hà Nội), quan đô hộ Cao Chính Bình sợ mà chết. Ông lên làm vua năm 782 được dân tôn xưng là Bồ Cái Đại Vương. Lăng mộ ông còn ở đầu phố Giảng Võ.
79.	Trần Quý Cáp	1996	0.5	5.5	Đường Nguyễn Huệ	Xóm Tân Phú	Trần Quý Cáp, quê huyện Điện Bàn, Quảng Nam, làm Giáo thụ huyện Thăng Bình, tham gia lập Công ty Liên Thành, mở trường Dục Thanh (Phan Thiết); sáng lập hội Duy Tân, hưởng ứng phong trào chống thuế ở Quảng Nam (1980), bị Pháp bắt và xử chém.
80.	Lương Đình Của	1996	0.8	5.5	Đường Nguyễn Huệ	Bãi Giáo	Nhà nông học Việt Nam hiện đại. Ông sinh ở Sóc Trăng, Nam Bộ, tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Kyoto và Kiusiu, trở thành tiến sĩ thứ 96 của Nhật Bản. Năm 1954, ông về Sài Gòn, làm ở Viện Nghiên cứu canh nông, rồi ra chiến khu tập kết ra Bắc. Cả cuộc đời ông cống hiến cho sự nghiệp lai tạo các loại giống cây trồng, đặt nền móng cho nền khoa học nông nghiệp Việt Nam, làm Viện trưởng Viện cây lương thực và thực phẩm, được phong Anh hùng lao động.
81.	Thanh Niên	1996	0.2	4.0	Đường Đoàn Thị Điểm	Giao với Đường Nguyễn Thị Minh	Sau ngày thành phố được giải phóng (10/10/1954), Hà Nội bắt tay vào khôi phục và phát triển kinh tế. Thời kỳ này, mọi người làm việc 6 ngày trong tuần, chỉ được nghỉ chủ nhật... Nhưng trên công trường xây dựng công viên Thống Nhất, nạo vét sông Tô Lịch mỗi ngày có hàng

					Khai	ngìn người lao động. Riêng việc sửa sang, tôn cao, mở rộng con đường đi giữa Hồ Tây, hồ Trúc Bạch được giao cho thanh niên Hà Nội “độc quyền”. Thanh niên Hà Nội đã đổ đất mở cho đường rộng, đẹp hơn, nhất là đoạn giữa, nơi có các hàng bánh tôm Hồ Tây ngon nổi tiếng. Đoạn dốc Yên Phụ được nắn thẳng, thoải thoải dễ đi. Phía trước đền Quán Thánh cũng được cạo rộng thêm tạo thành một vườn hoa. Cuối năm 1959, công việc sửa chữa, mở rộng con đường đã xong, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt tên cho con đường là đường Thanh Niên.
82.	Nguyễn Bình Khiêm	1996	0.45	7.5	Đường Lê Lợi	Xã Hà Vinh huyện Hà Trung Nhà tư tưởng, nhà thơ lớn của thế kỷ XVI. Năm 45 tuổi, ông đỗ Trạng Nguyên làm quan dưới triều Mạc từ Tả Thị lang đến Thượng thư Bộ Lại, tước Trình Tuyên hầu, khi mất được phong Quốc công. Ông về hưu năm 70 tuổi và mở trường dạy học, viết sách, lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ, để lại nhiều thơ Hán - Nôm trong tập “Bạch Vân thi tập”, “Bạch Vân quốc ngữ thi tập”.
83.	Lê Trọng Tấn	1996	0.65	0.4	Đường Lê Trọng Tấn	Giao với Đường Phùng Khắc Khoan Ông là một Đại tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông từng là Viện trưởng Học viện Quân sự Cao cấp, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam. Ông là vị Đại tướng Việt Nam lớn tuổi nhất vào thời điểm thụ phong. Ông chính là một trong những người tham gia tổ chức chiến dịch Mậu Thân 1968 cùng với Hoàng Văn Thái. Tháng 4 năm 1975, ông

							được cử làm Phó Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh kiêm Tư lệnh cánh quân phía đông (gồm quân đoàn 2, quân đoàn 4, sư đoàn 3) tấn công vào Sài Gòn. Chính Lữ đoàn xe tăng 203, quân đoàn 2 thuộc cánh quân của ông đã tiến vào dinh Độc Lập đầu tiên. Khi Quân đội Nhân dân Việt Nam thành lập các đại đoàn chủ lực, ông trở thành Đại đoàn trưởng đầu tiên của đại đoàn 312-đại đoàn Chiến thắng (nay là Sư đoàn) ở tuổi 36. Trong trận Điện Biên Phủ, đại đoàn 312 do ông chỉ huy đã đánh trận mở màn vào cao điểm Him Lam (13 tháng 3 năm 1954) và kết thúc chiến dịch vào ngày 7 tháng 5 năm 1954, bắt sống tướng Christian de Castries và ban chỉ huy tập đoàn cứ điểm.1986 ông mất tại Hà nội
84.	Trương Định	1996	1.0	0.7	Đường Lê Trọng Tấn	Giao với Đường Nguyễn Bình Khiêm	Trương Định, quê huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, ngụ ở Gia Định; làm quan nhưng không chịu theo lệnh triều đình hòa với Pháp, lập căn cứ Tân Hòa (Gò Công) chống giặc trong hai năm; bị thương và tự vẫn, không chịu rơi vào tay giặc.
85.	Phùng Khắc Khoan	1996	1.5	6.5	Đường Lê Trọng Tấn	Giao với Cầu Chuyên Gia	Người làng Bùng (Phùng Xã), huyện Thạch Thất, nay thuộc Hà Nội; nổi tiếng thông minh từ nhỏ, học trò Nguyễn Bình Khiêm, quen gọi là Trạng Bùng.Năm 1550 vào Thanh phủ Lê, diệt Mạc. Đỗ hoàng giáp (1580), làm quan thượng thư Bộ Hộ, Bộ Công triều Lê; đi sứ sang

							nhà Minh (1597), lý lẽ cứng cỏi. Ông còn là nhà thơ, tác giả tập thơ Nôm Lâm tuyền văn, miêu tả các loài cây cỏ. Ông đem nghề dệt dạy cho dân vùng quê ông.
86.	Hồ Quý Ly	1996		9.0	Đường Bà Triệu	Đội 10 Nông Trường	Về chính trị: Hồ Quý Ly đã có nhiều sáng kiến táo bạo, muốn xây dựng cho đất nước trở nên cường thịnh, vượt khỏi tình trạng suy thoái của thời Trần mạt. Và đây là một nhà chính trị có tầm nhìn văn hoá toàn diện. Ông đặt ra các phép hạn điền, hạn nô, định lại chế độ thuế khoá, cho phát hành bạc giấy, qui định việc đo lường. Ông cũng quan tâm đến các vấn đề cứu tế xã hội, lập các sở quảng tế, các kho lúa để phòng trợ cấp lúc mất mùa. Về quân sự: ông rất lo việc đối phó với nhà Minh xâm lược, nên chăm chú việc phòng thủ, nhất là ở các cửa biển, đồng thời tăng cường quân lực để hòng đối phó với tình hình. ông đã cố gắng biểu dương thanh thế, phát triển sự nghiệp Nam tiến, và cũng đã chiến thắng Chiêm Thành, thu được các đất Chiêm Động và Cổ Lũng. Ông cũng tỏ ra có khả năng nắm vững quyền chuyên chính của mình.
87.	Nguyễn Gia Thiều		0.3	3.0	Đường Trần Nguyên Hãn	Giao với đường Đinh Tiên Hoàng	Tước Ôn Như Hầu người làng Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại (nay là Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Ông sinh trưởng trong một gia đình quý tộc, từ bé học trong phủ chúa Trịnh, thông minh, hiểu nhiều ngành nghề thuật:

		1996					nhạc họa, kiến trúc... 18 tuổi làm Hiệu úy rồi thăng Tổng binh, trấn thủ Hưng Hóa, được phong tước hầu. Tây Sơn thống nhất đất nước, ông về làng ẩn dật rồi mất. Tác giả Cung oán ngâm khúc nổi tiếng.
88.	Hàn Mặc Tử	1996	0.3	6.0	Đường Trần Nguyên Hãn	Giao với Đường Ngô Gia Tự	Hàn Mặc Tử (1912-1940): tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ở làng Lệ Mỹ, huyện Đồng Lộc, tỉnh Đồng Hới (nay là tỉnh Quảng Bình). Hàn Mặc Tử làm thơ sớm, 14 tuổi đã làm thơ Đường luật đăng báo với bút danh Minh Duệ Thị. Năm 1930 đoạt giải nhất trong cuộc thi thơ do một thi xã tổ chức. Cùng Chế Lan Viên lập trường thơ Loạn. Ông sử dụng nhiều bút danh: Phong Trần, Lê Thanh rồi cuối cùng là Hàn Mặc Tử. Tác phẩm gồm có: Lê Thanh thi tập, Gái quê, Đau thương (còn gọi là Thơ điên), Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cầm châu duyên (gồm 02 vở kịch thơ: Duyên kỳ ngộ và Quần tiên hội)...Hàn Mặc Tử học tiểu học ở Qui Nhơn, trung học ở Huế, có thời gian làm ở Sở Đạc điền (Qui Nhơn). Năm 1934-1935 theo Thúc Tề vào Sài Gòn làm báo (viết báo Công luận, phụ trách trang văn báo Sài Gòn), về sau lại trở ra Qui Nhơn. Năm 1936 bị mắc bệnh phong, phải vào nhà thương Qui Hòa và qua đời ở đó.
89.	Ngô Gia Tự		0.3	3.0	Đường Hàn	Giao với Đường	Ngô Gia Tự (1908-1935): nhà cách mạng tiền bối của Đảng Cộng sản cách mạng Việt Nam; người xã Tam Sơn,

		1996			Mặc Tử	Trần Nguyễn Hân	huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Học trường Bưởi, bị đuổi vì bãi khóa. Gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. 1927 sang Quảng Châu dự huấn luyện, về nước được vào Tỉnh bộ Bắc Ninh, Kỳ bộ Bắc Kỳ. Ông là một trong bảy người lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở phố Hàm Long (3-1929). Thành lập Đảng, ông làm Bí thư lâm thời Xứ ủy Nam Kỳ. Cuối năm 1930 bị bắt và kết án tù chung thân, 1933 đày ra Côn Đảo. Tháng 01-1935, ông cùng một số đồng chí vượt Côn Đảo và mất tích giữa biển đông.
90.	Đặng Trần Côn	1996	0.25	4.5	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Giao với Đường Phùng Khắc Khoan	Quê ở vùng Kẻ Mọc, Hạ Đình, xã Khương Đình, huyện Thanh Trì, đỗ hương cống, làm tới Tri huyện Thanh Oai, sống khoảng đầu thế kỷ XVIII. Ông giỏi thơ phú, đứng đầu Thanh Trì tứ hổ thời ấy, tác giả Chinh phụ ngâm viết bằng chữ Hán sau được nhiều người dịch sang chữ Nôm.
91.	Đào Tấn	1996	0.4	3.5	Đường Trần Nguyễn Hân	Giao với Đường Đình Tiên Hoàng	Nhà soạn tuồng lớn nhất nước ta. Ông quê ở Tuy Phước, Bình Định, đỗ cử nhân sung chức Hiệu thư, Thị độc, Nội các, Tổng đốc An Tĩnh (Nghệ Tĩnh), Công bộ Thượng thư.
92.	Phùng Chí Kiên		0.95	4.0	Đường Trần Phú	Giao với Đường Lê Phụng Hiếu	Có tên là Nguyễn Vĩ, quê xã Mỹ Quang Thượng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, được giác ngộ cách mạng rất sớm. Năm 1926 ông sang Quảng Châu dự huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức rồi theo học trường Võ bị

		1996					Hoàng Phố, gia nhập quân cách mạng Trung Quốc, khởi nghĩa Quảng Châu (12/1927) do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo. Năm 1931 học Đại học Phương Đông (Liên Xô). Năm 1934 tham gia chuẩn bị Đại hội lần thứ nhất của Đảng. Năm 1935 được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phụ trách công tác Đảng ở nước ngoài. Năm 1936 vận động thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh hội ở Trung Quốc. Năm 1941 cùng với cụ Hồ Chí Minh về Pắc Bó, chỉ đạo căn cứ Bắc Sơn (Cao Bằng), chỉ huy trung đội cứu quốc quân số 1. Ông bị Pháp bắt và giết hại ở Ngân Sơn tháng 8/1941, sau được truy phong quân hàm cấp tướng.
93.	Phan Kế Toại	1996	0.35	5.0	Ngõ 605 đường Trần Phú	Giao với đường Phùng Chí Kiên	Ông là một cựu chính khách Việt Nam. Ông làm quan cuối thời nhà Nguyễn, nguyên là Khâm sai Bắc Bộ của Chính phủ Trần Trọng Kim, nhưng sau Cách mạng tháng Tám đã tham gia Việt Minh và trở thành Phó Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong 4 nhiệm kỳ liên tục từ tháng 9 năm 1955 đến khi qua đời vào tháng 6 năm 1973. Năm 1941, ông được chính quyền bảo hộ Pháp bổ nhiệm làm Tổng đốc Thái Bình. Ông được bổ nhiệm làm thành viên Ủy ban Giám đốc chính trị miền bắc gồm các thành viên : Đặng Thai Mai, Hoàng Đạo, Trần Văn Lai, do bác sĩ

						Nguyễn Xuân Chữ làm Chủ tịch. Ngày 10 tháng 9 năm 1955, Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất họp tại Hà Nội đã quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông được bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mười ngày sau đó, ngày 20 tháng 9, ông được bổ nhiệm làm Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam. Ông tiếp tục được tái bổ nhiệm chức vụ này trong Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa II. Ngày 30 tháng 4 năm 1963, ông được thôi nhiệm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam. Ông tiếp tục giữ chức vụ Phó Thủ tướng thêm 2 nhiệm kỳ nữa cho đến khi qua đời ngày 26 tháng 6 năm 1973. Ngày 24 tháng 8 năm 2009, ông được Nhà nước Việt Nam truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh vì sự nghiệp đóng góp của mình.
94.	Hồ Nguyên Trùng	1996	0.4	7.0	Cuối ngõ 605 đường Trần Phú	Giao với đường Phùng Chí Kiên Ông là nhà kỹ thuật quân sự, là một công trình sư lỗi lạc. Ngoài ra ông còn là nhà văn Việt Nam ở thế kỷ 15. Hồ Nguyên Trùng, trước để họ Lê, tự là Mạnh Nguyên, hiệu Nam Ông là người huyện Vĩnh Phúc, lộ Thanh Hoa (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa). Ông là con trai cả của vua Hồ Quý Ly, và là anh của vua Hồ Hán Thương. Dưới triều nhà Trần, Hồ Nguyên Trùng từng giữ chức Thượng Lân tự, Tư đồ. Đầu năm 1400, cha ông truất

						ngôi Trần Thiếu Đế, tự lên ngôi vua, lập nên nhà Hồ. Sau đó, Hồ Nguyên Trừng được cử làm Tả tướng quốc. Ngày 12 tháng 5 năm Đinh Hợi (tức 17 tháng 6 năm 1407), cả ba cha con ông và người cháu là Hồ Nhuế (con Hồ Hán Thương) đều bị quân nhà Minh bắt tại Kỳ La (Kỳ Anh, Hà Tĩnh), rồi bị áp giải về Kim Lăng (Nam Kinh, Trung Quốc). Kể từ đó, nhà Hồ mất, cả nước Việt rơi vào ách thống trị của nhà Minh. Biết được Hồ Nguyên Trừng (và Hồ Nhuế) có tài năng, vua Minh Anh Tông cho ân xá, nhưng buộc phải đổi họ khác (vì không thừa nhận gia đình ông là dòng dõi Ngu Thuấn). Vì vậy ở sách Nam Ông mộng lục, tác giả đề tên là Lê Trừng (đổi lại họ Lê như cũ). Sau, ông chế tạo được súng thần công [4], nên lại được làm quan ở bộ Công, thăng đến chức Tả thị lang như lời ông đề ở cuối bài Tựa trong quyển Nam Ông mộng lục. Trong Vân đài loại ngữ, Lê Quý Đôn nhắc đến một tình tiết: "quân Minh khi làm lễ tế súng đều phải tế Trừng". Theo Minh sử, thì Hồ Nguyên Trừng được thăng chức Công bộ Thượng thư (1445) được một năm thì mất, thọ 73 tuổi.
95.	Đặng Tiến Đông	1996	0.7	5.0	Đường đi Mỏ	Giao với Làm quan thời Lê-Trịnh, sau đầu quân Tây Sơn và trở thành danh tướng của lực lượng này. Thân thể và sự

					đá NMXM	Lê Trọng Tấn	nghiệp của ông hiện vẫn còn gây nhiều tranh cãi trong giới sử học Việt Nam.
96.	Lê Phụng Hiểu	1996	1.2	3.0	Đầu cầu phía Bắc cầu Hà Lan	Hết Khu dân cư	Là một đại tướng nhà Lý, phụng sự ba triều vua đầu tiên của nhà Lý đó là vua Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông. Ông là người có công rất lớn trong việc phò vua Lý Thái Tông tức Lý Phật Mã lên ngôi.
97.	Nguyễn Khuyên	2004	0.3	5.0	Đường Bà Triệu	Giao với đường Nguyễn Du	Đỗ đầu ba trường nên được gọi Tam Nguyên Yên Đỗ. Làm quan tới chức Học sĩ sung Quốc sử quán Toàn tu. Triều Nguyễn đầu hàng Pháp, ông cáo quan về quê. Là nhà thơ hiện thực và trào lộng nổi tiếng.
98.	Huỳnh Thúc Kháng	2004	0.85	4.0	Giáp Tường rào phía Đông trường THCS Ngọc Trạo (đường Nguyễn Văn Cừ)	Giáp tường rào phía Tây XN Mộc (ra đường Nguyễn Văn Cừ)	Nhà chí sĩ, nhà văn, quê huyện Thăng Bình (nay là Tiên Phước), tỉnh Quảng Nam, Đỗ hoàng giáp không ra làm quan, đứng đầu phong trào Duy Tân ở Trung kỳ đầu thế kỷ XX. Phong trào chống sưu thuế nổ ra, ông bị Pháp bắt đày đi Côn Đảo 13 năm, trở về là Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, làm báo Tiếng dân. Sau Cách mạng tháng Tám, ông làm Bộ trưởng Nội vụ, quyền Chủ tịch nước khi Bác Hồ sang Pháp, sáng lập và là Hội trưởng Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Tác giả các sách Thi tu tùng thoại, Thi tù thảo, Trung Kỳ cựu sưu ký.
99.	Lương Ngọc Quyến	2004	0.4	0.65	Đường Nguyễn Văn Cừ	Hết khu dân cư	Con cụ Lương Văn Can, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội. Ông hưởng ứng phong trào Đông Du, sang Nhật theo Phan Bội Châu, lập Việt Nam Quang phục hội ở

					(phía Đông Nhà VH khu 13 Ngọc Trạo)		Trung Quốc, bị bắt giải về Việt Nam, giam ở nhà lao Thái Nguyên, ông liên lạc với Đội Cấn, làm cuộc binh biến khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30-8-1917. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, ông hi sinh trong cuộc chiến.
100.	Nam Cao	2004	0.4	5.0	Đường Nguyễn Văn Cừ (phía Đông Nhà VH khu 14 Ngọc Trạo)	Hết khu dân cư	Quê ông tại làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, Hà Nam). Nhà văn hiện thực Việt Nam, tham gia Văn hoá cứu quốc và gia nhập Việt Minh năm 1941, đi Nam tiến 1946 rồi lên chiến khu Việt Bắc. Hy sinh trên đường vào công tác ở vùng địch hậu khu III. Tác giả nhiều truyện ngắn và tiểu thuyết nổi tiếng: Chí Phèo, Sống mòn, Đôi mắt, Chuyện biên giới...
101.	Ngô Tất Tố	2004	0.5	3.5	Đường Nguyễn Văn Cừ	Hết Khu dân cư	Quê ở làng Lộc Hà, tổng Hội Phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh, nay là thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội. Nhà báo, nhà văn hiện đại; ông đồ đầu xứ nhưng bỏ nho học, đi làm báo, viết văn, dịch thuật. Những tác phẩm nổi tiếng trước Cách mạng như Tắt đèn, Việc làng, Lều chõng.... cùng với nhiều bài báo bình luận xuất sắc. Được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).
102.	Lý Nam Đế	2004	0.65	5.5	Đường Nguyễn	Giao với đường	Ông khởi nghĩa năm 542, đánh đuổi quân thống trị nhà Lương, lên ngôi vua năm 544, xưng là Nam Việt Đế, đặt

					Văn Cừ	Ngô Sỹ Liên	quốc hiệu Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên. Năm sau, quân Lương sang đánh, ông chống không lại, lánh vào động Khuất Liêu (Tam Nông) rồi mất
103.	Mạc Đăng Dung	2004	1.3	3.5	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Cừ	Ông vốn dòng dõi Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đời Trần. Năm Bính Tí 1516, đời Lê Chiêu tông, ông thi võ đỗ đệ nhất Đô lực sĩ, làm quan thăng dần đến chỉ huy sứ, coi sóc các đạo quân, và được làm Phò mã, tước Vũ Xuyên Bá, kết duyên cùng công chúa Lê Thị Ngọc Minh. Chẳng bao lâu ông lại được tấn phong làm Thái sư, tước Nhân Quốc Công, rồi gia phong đến tước An Hưng Vương. Từ đây ông càng thao túng triều chính, dẫn đến sự lật đổ vua Lê, dựng nên nhà Mạc vào năm Đinh Hợi 1527.
104.	Nguyễn Thiếp	2004	0.7	3.5	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giao với đường Tô Vĩnh Diện	Ông là nhà Nho thâm thúy và là danh sĩ cuối đời Hậu Lê và Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam. Lúc nhỏ, ông và ba anh em trai nhờ mẹ chăm sóc và chú là Tiến sĩ Nguyễn Hành rèn dạy nên đều học giỏi. ông dự thi Hương ở Nghệ An đỗ thủ khoa, nhưng không ở lại dự thi Hội mà đi ở ẩn. Năm Bính Tuất (1756), lúc này đã 33 tuổi, Nguyễn Thiếp được bổ làm Huấn đạo (chức quan trông coi việc học trong một huyện) ở Anh Đô (phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An). Ở đó 6 năm, ông được đổi làm Tri huyện Thanh Giang (nay là Thanh Chương, Nghệ An). Tháng 9 năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung đột

							ngột băng hà, sự nghiệp của Nguyễn Thiếp đành dở dang. Ngày 6 tháng 2 năm 1804 (Quý Hợi), danh sĩ Nguyễn Thiếp không bệnh mà mất, thọ 81 tuổi, và được an táng tại nơi ông ở ẩn.
105.	Trương Hán Siêu	2004	0.4	6.0	Đường Võ Thị Sáu	Giao với đường Nguyễn Thiếp	Trương Hán Siêu, quê huyện Yên Ninh (nay là Tp Ninh Bình), Ninh Bình; được Trần Hưng Đạo nuôi dưỡng và tiền cử, sau làm tới chức Hành khiển, Tả Tham tri Chính sự; trở thành nhà văn, nhà chính trị nổi tiếng thời Trần, là tác giả Hoàng Triều đại điển, Bạch Đằng giang phú ...
106.	Trần Tế Xương	2004	0.4	5.5	Đường Võ Thị Sáu	Giao với đường Nguyễn Thiếp	Cuộc đời của Trần Tế Xương là cuộc đời của một nghệ sĩ, nhưng trước hết là một trí thức phong kiến. Nổi tiếng thông minh, con đường hoan lộ của nhà thơ bắt đầu từ năm 17 tuổi, nhưng thi mãi tám lần cũng chỉ đỗ Tú tài. Suốt đời ngoài việc đi thi, làm thơ phú và nay đây mai đó, nhà thơ hầu như không làm gì, kể cả dạy học. Trần Tế Xương mất đột ngột ngày Rằm tháng Chạp năm Bính Ngọ (29/01/1907), năm đó ông mới ba mươi bảy tuổi. Cuộc đời ngắn ngủi của nhà thơ rơi vào đúng giai đoạn có nhiều biến động, đau thương nhất của lịch sử dân tộc và xã hội Việt Nam: Mất Nam Kỳ, Bắc Kỳ rơi thực dân Pháp đặt ách thống trị trên toàn cõi Việt Nam. Xã hội phong kiến mục ruỗng nhưng chưa chết hẳn lại manh nha một xã hội mới nhô nhăng hơn. Cái xã hội ấy

						đã đi vào thơ Tú Xương hầu như nguyên vẹn cả hình hài, từ sự tha hóa của nhiều bộ phận xã hội trước ma lực của đồng tiền. Nhà thơ vạch trần, đả kích ngay thẳng và có khi còn gọi tên điểm mặt. Bên cạnh phần lớn thơ trào phúng, Tú Xương còn để lại nhiều bài thơ trữ tình thâm thiết. Điều này phản ánh bản chất, cốt cách của nhà thơ, một người giàu lòng yêu thương, luôn thao thức với đời và cũng hết sức chân thật khi tự trách mình.
107.	Nguyễn Tri Phương	2004	0.8	4.5	Đường Cù Chính Lan	Giao với Trần Bình Trọng Con cụ Lương Văn Can, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội. Ông hưởng ứng phong trào Đông Du, sang Nhật theo Phan Bội Châu, lập Việt Nam Quang phục hội ở Trung Quốc, bị bắt giải về Việt Nam, giam ở nhà lao Thái Nguyên, ông liên lạc với Đội Cấn, làm cuộc binh biến khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30-8-1917. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, ông hi sinh trong cuộc chiến.
108.	Nguyễn Thái Học	2004	0.4	5.5	Đường Cù Chính Lan	Giao với Trần Bình Trọng Thủ lĩnh Việt Nam Quốc dân đảng thành lập năm 1927. Sau vụ Đảng này ám sát tên thực dân Badanh (Bazin) ở phố Huế, Pháp đàn áp, Đảng tan vỡ. Tháng 2-1930 ông tổ chức khởi nghĩa Yên Bái, bị thất bại, sau sa vào tay địch. Ngày 17-6-1930, Pháp xử chém ông ở Yên Bái. Ông để lại gương sáng cho lớp thanh niên yêu nước, cách mạng Việt Nam

109.	Trần Đại Nghĩa	2004	0.6	3.5	Đầu đường Đoàn Kết	Hết khu dân cư	Quê tỉnh Vĩnh Long; học ở Pháp, theo lời kêu gọi của Bác Hồ, tình nguyện về nước tham gia kháng chiến, được phong Thiếu tướng, Cục trưởng Cục Quân giới, sáng chế ra súng không giật SKZ, Badoca; là Viện sĩ nước ngoài Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, Anh hùng Lao động, Giải thưởng Hồ Chí Minh.
110.	Nguyễn Trục	2004	0.5	9.0	Phía Đông đường Nguyễn Đình Chiều	Giao với đường Nguyễn Bính	Một nông dân nổi lên chống Pháp, từng đánh đắm chiến hạm Hy Vọng (Espérance) của Pháp trên sông Vàm Cỏ (1861); được giao trấn thủ Hà Tiên. Pháp chiếm xong Nam Kỳ, ông lập căn cứ ở đảo Hòn Chuông tiếp tục chiến đấu cho đến khi bị Pháp bắt và đem hành hình ở Rạch Giá
111.	Hàn Thuyên	2004	1.8	8.5	Phía Tây đường Hàn Thuyên	Giao với đường Lê Thánh Tông	Tên thật là Nguyễn Thuyên, người làng Lai Hạ, huyện Lương Tài, Bắc Ninh, đỗ thái học sinh, làm tới Thượng thư Bộ hình. Nổi tiếng nhờ bài Văn tế cá sấu thời Trần, viết bằng chữ Nôm. Ông là người đi đầu làm thơ Nôm theo luật Đường do Hàn Dũ khởi xướng ở Trung Quốc, nên được nhà vua cho đổi sang họ Hàn
112.	Ngô Sỹ Liên	2004	0.9	4.0	Phía Đông đường Lý Thường	Hết Khu dân cư (phía Nam Cty VLXD)	Người làng Chúc Lý, huyện Chương Đức, nay là xã Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Năm 1442 thi đậu tiến sĩ, làm ở Hàn lâm viện, rồi giữ chức Đô ngự sử. Năm 1480, dời

					Kiệt		Hồng Đức, theo lệnh của Lê Thánh Tông, ông biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư và Thực lục, trở thành nhà sử học nổi tiếng ở nước ta.
113.	Lương Thế Vinh	2004	0.5	8.0	Đường Trần Phú	Đi Trường Mầm non Ba Đình	Đỗ trạng nguyên năm 1463. Ông là nhà văn hoá, nhà toán học nổi tiếng thời Hồng Đức (1470 -1497), đời Lê Thánh Tông, được dân quen gọi là Trạng Lường. Làm quan Hàn lâm viện thị giảng, giữ chức Sái phu trong hội Tao Đàn, ông để lại nhiều sách toán học, được coi như một tổ sư nghề toán ở nước ta.
114.	Mạc Đĩnh Chi	2004	0.65	4.5	Cuối đường Bùi Thị Xuân	Đường Khu dân cư	Danh thần nhà Trần, quê ở Lũng Động, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương; đỗ trạng nguyên đời Trần. Ông thông minh, tài trí từ nhỏ, làm quan thanh liêm qua ba đời vua Trần, hai lần đi sứ nhà Nguyên mà nhà vẫn thanh đạm, Nổi tiếng với bài phú Ngọc tỉnh liên ví mình như đóa sen trong giếng ngọc.
115.	Lương Đắc Bằng	2004	0.2	7.0	Đường Nguyễn Bá Ngọc	Giao với đường Mạc Đĩnh Chi	Ông quê ở làng Hội Trào, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, đỗ Bảng Nhãn từ năm 1499, làm quan đến Thượng thư bộ Lại, tước Đôn Trung bá, dưới triều vua Lê Tương Dực. Chức quan này mãi cuối đời mới nhận, thời gian làm quan dài nhất là ở chức Thị lang. Nhưng ông lại luôn luôn viện cớ, xin nghỉ ở quê nhà để chăm lo dạy học. Tiếng tăm của Lương Đắc Bằng còn vang dội nhờ một bài văn khác: Bài hịch kẻ tội Lê Uy Mục. Ông vua này là một

							bạo chúa, gây tác hại cho đất nước rất nhiều. Hoàng thân Lê Oanh đã nhờ Lương Đắc Bằng làm hịch dụ các đại thần và dân chúng nổi lên lật đổ Lê Uy Mục.
116.	Hồ Xuân Hương	2004	3.0	7.5	Đường Lê Chân	Đầu cầu phía Tây cầu Thị Ủy	Được người đời mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm”, sinh sống ở phường Khán Xuân, thành Thăng Long vào nửa cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Bà quê gốc ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An; giỏi thơ Nôm và có tài trào lộng, châm biếm, mang phong cách riêng biệt khác người, nhiều bài thơ Nôm được truyền tụng rộng rãi trong dân gian.
117.	Trần Nguyên Đán	2004	0.25	7.0	Đường Chu Văn An	Giao với đường Hồ Xuân Hương	Hiệu Bạng Hồ, là tôn thất nhà Trần, dòng dõi Chiêu Minh vương Trần Quang Khải. Làm quan tới Tư đồ dưới thời các vua Trần Nghệ Tông, Trần Duệ Tông và Trần Phế Đế, tước Chương Túc quốc thượng hầu. Nguyên Đán là người hiền từ, nho nhã, có phong cách của bậc quân tử thời xưa.
118.	Phạm Hùng	2004	1.5	9.0	Điểm giao giữa đường Trần Hưng Đạo và đường	Đi Nhà máy XM Bím Sơn	Tên thật là Phạm Văn Thiện, quê xã Long Hồ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Ông tham gia cách mạng từ năm 1928-1929 trong Thanh niên cộng sản Đoàn, năm 1930 vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931 bị Pháp bắt và kết án tử hình, sau rút xuống tù chung thân, đày đi Côn Đảo. Cách mạng tháng Tám thành công, ông về Nam Bộ làm Bí thư Xứ ủy. 1951 được bầu vào Ban

					Nguyễn Đức Cảnh		Chấp hành Trung ương Đảng, lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam, Ủy ban kháng chiến - hành chính miền Đông Nam Bộ. Năm 1954 là Trưởng đoàn quân sự Việt Nam trong Ban Liên hiệp Đình chiến tại Nam Bộ. Ông là Ủy viên Trung ương Đảng từ năm 1956-1988, tham gia Bộ Chính trị, đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VIII, lần lượt giữ các chức vụ: Bộ trưởng, Phó Thủ tướng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Chính ủy các lực lượng vũ trang miền Nam, Chính ủy Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/3/1988.
119.	Lê Thanh Nghị	2004	2.2	13.0	Phía Tây đường Phạm Hùng	Hết khu dân cư	Tên thật là Nguyễn Khắc Xương, quê ở làng Thượng Cốc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, làm thợ điện, tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Năm 1936 ra tù được cử vào Thành ủy Hà Nội công tác ở Xứ ủy Bắc Kỳ. Năm 1940 lại bị bắt đày đi Sơn La. Đầu năm 1945 ông ra tù, tiếp tục hoạt động và tham gia Thường vụ Xứ ủy, Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ, chỉ đạo chiến khu II. Sau là Chánh văn phòng Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước, đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VI.

120.	Lương Văn Can	2004					Nhà nho yêu nước, người làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội, đỗ cử nhân không ra làm quan, là một trong nhóm sáng lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục, hoạt động được chín tháng thì bị đóng cửa. Năm 1914, Pháp viện có kết án ông 10 năm biệt xứ sang Phnôm Pênh, đến 1921 đã phải thả
121.	Ngô Thì Nhậm	2004					Đỗ tiến sĩ, làm tới Hữu thị lang bộ Công thời Lê Mạt. Quang Trung ra Bắc Hà, trọng dụng và cử ông trấn giữ Thăng Long. Quân Thanh sang xâm lược, ông lui quân về Tam Điệp bảo toàn lực lượng, đợi đại quân Tây Sơn, cùng tiến đánh giải phóng kinh thành đầu mùa xuân Kỷ Dậu 1789. Triều Tây Sơn mất, ông bị nhà Nguyễn bắt, hãm hại bằng trận đòn thù ở sân Văn Miếu, về nhà ốm chết. Ông để lại nhiều tác phẩm giá trị về văn, sử, triết, ngoại giao
122.	Phạm Sư Mạnh	2004	0.5	6.0	Đường Lê Quý Đôn	Giao với đường Phan Chu Trinh	Tên thật là Phạm Độ, tự Nghĩa Phu, hiệu Úy Trai, biệt hiệu Hiệp Thạch; là danh sĩ và là quan nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Là học trò giỏi của nhà giáo Chu Văn An, ông đỗ thái học sinh (tiên sĩ) đời vua Trần Minh Tông, được vua đổi tên là Phạm Sư Mạnh. Năm 1323, ông bắt đầu làm quan cho nhà Trần. Ông làm quan trải ba triều vua Trần là: Minh Tông, Hiến Tông và Dụ Tông. Về văn học, Phạm Sư Mạnh nổi tiếng ngang với Lê Quát, là bạn thân đồng môn (cùng học với thầy Chu

							Văn An) và đồng triều. Cả hai đều được người đương thời khen tặng
123.	Ngô Văn Sở	2004	0.5	4.0	Đường Trần Phú	Giao với đường Hàm Nghi	Danh tướng thời Tây Sơn, quê ở huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; lớn lên ở huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định. Năm 1787 ra Thăng Long diệt Trịnh, được Nguyễn Huệ giao trấn giữ Bắc Hà. 1788, ông cùng Ngô Thì Nhậm thực hiện kế hoạch lui quân về Tam Điệp, giữ lực lượng để tham gia giải phóng Thăng Long năm 1789. Ông từng đi sứ sang triều Thanh trong đoàn phái bộ Quang Trung “giả” năm 1790. Vì gièm pha, ông bị dìm chết dưới sông Hương thời vua Quang Toản.
124.	Trần Thái Tông	2004	0.6	9.0	Đường Lê Lợi	Hết khu dân cư	Trần Thái Tông, quê huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; tên là Trần Cảnh, vị vua đầu tiên của nhà Trần. Ông trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ nhất thắng lợi; nhường ngôi cho con để tập trung nghiên cứu giáo lý nhà Phật và soạn tập Khóa hư lục
125.	Nguyễn Thiện Thuật	2004					Ông là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, một trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ 19. Năm 1874, khi đã đỗ Tú tài, ông được cử làm Bang biện do có công đánh giặc ở Kinh Môn tỉnh Hải Dương. Năm (Bính Tý) 1876 ông tiếp tục dự kỳ thi nho học nhưng chỉ đậu Cử nhân, cùng khoa thi này Phan Đình Phùng vào năm sau đỗ Đình nguyên Tiến

			1.0	6.0	Đường Trần Hung Đạo	Giao với đường Lý Thái Tổ	sĩ. Sau đó Nguyễn Thiện Thuật được thăng chức tri phủ ở Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh. Rồi ông được bổ nhiệm giữ chức Tán tương quân vụ tỉnh Hải Dương. Năm 1881, ông giữ chức Chánh sứ sơn phòng tỉnh Hưng Hóa kiêm chức Tán tương quân vụ tỉnh Sơn Tây. Khi Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai năm 1882-1883, Nguyễn Thiện Thuật đã kháng lệnh triều đình nhà Nguyễn, quyết tâm đánh Pháp.
126.	Lý Thái Tổ	2004	2.5	14.5	Đường Nguyễn Trãi (Q11A)	Giao với đường Lý Thái Tổ	Tức Lý Công Uẩn. Ông làm Điện tiền Chỉ huy sứ đời vua Lê Ngọa Triều. Năm 1009, vua mất, triều đình tôn ông lên làm vua, hiệu là Thái Tổ, mở đầu triều Lý. Năm 1010 dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La, gặp điềm rồng vàng đón, nên đổi tên là thành Thăng Long. Ông là người có công định đô, xây dựng, mở mang kinh thành, đặt nền móng cho Thăng Long, Thủ đô ngàn đời của đất nước
127.	Trần Khát Chân	2004	1.0	3.5	Đường Trần Hung Đạo	Giao với đường Lý Thái Tổ	Tướng nhà Trần. Ông lập chiến công, đánh thắng thủy quân của Chế Bồng Nga xâm phạm bờ cõi nước ta ở cửa sông Luộc năm 1390; được phong Thượng tướng quân, tước Vũ Tiết Quan nội hầu và ban cho thái ấp ở vùng Hoàng Mai. Sau vụ mưu sát Hồ Quý Ly tại hội thề Đồn Sơn không thành, ông bị giết
128.	Lý Nhân Tông	2004	4.0	15.0	Đường Q11A	Đi Nhà máy XM Long Sơn	Ông là vị hoàng đế thứ 4 của triều đại nhà Lý, trị vì trong vòng 56 năm (1072 - 1128), lâu hơn bất kỳ một vị hoàng đế nhà Lý và triều đại nào trong lịch sử Việt Nam.

						Lý Nhân Tông có nhiều chính sách nhằm chấn hưng đất nước. Lý Nhân Tông, là sự mở đầu nghiệp thi cử và nền giáo dục cao cấp của nước nhà. Tiếp tục sự nghiệp mong mỏi của vua cha, người đặt nền móng xây dựng Trường đại học quốc gia vào năm 1070 với việc lập Văn Miếu để biểu dương Nho giáo, thờ Chu Công, Khổng Tử và các vị tiên hiền. Năm, sáu năm sau, Lý Nhân Tông là người đầu tiên khởi xướng và thực hiện chế độ thi cử và giáo dục đại học của Đại Việt để từ đó về sau, ngày càng được các triều đại nối tiếp hoàn thiện. Là một minh quân, Lý Nhân Tông cũng là một tấm gương khổ luyện, phấn đấu đạt đến độ "học thức cao minh, hiểu sâu đạo lý"	
129.	Thiệu Trị	2004	0.5	8.0	Đường Nguyễn Huệ (QL1A)	Hết Khu dân cư	Ông tên thật là Nguyễn Phúc Miên Tông, là vị Hoàng đế thứ ba của nhà Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam. Ông trị vì từ năm 1841 đến khi qua đời năm 1847, được truy tôn miếu hiệu là Nguyễn Hiến Tổ. Thiệu Trị ít có tham vọng về mở rộng lãnh thổ và khuếch trương thanh thế. Dưới thời này đất Nam-kỳ có nhiều giặc giã, dân Chân-Lạp nổi loạn và quân Tiêm-La sang đánh phá, vua phải dùng binh đánh dẹp mãi tới năm Thiệu Trị thứ bảy (1847) mới yên được.

						Từ khi vua Thiệu Trị lên ngôi thì việc cấm đạo Thiên Chúa mới nguôi đi được một ít, nhưng triều đình vẫn ghét đạo, và những giáo sĩ ngoại quốc vẫn còn bị giam ở Huế. Thiệu Trị qua đời ngày 27 tháng 9 năm Đinh Mùi, tức 4 tháng 10 năm 1847, hưởng thọ 41 tuổi, miếu hiệu là Hiến Tổ. Thụy hiệu của ông là Thiệu thiên Long vận Chí thiện Thuần hiếu Khoan minh Duệ đoán Văn trị Vũ công Thánh triết Chương Hoàng đế
130.	Hoàng Văn Thụ	2004	1.0	4.0	Đường Phan Đình Phùng	Giao với đường Lương Đình Của Bạc tiền bồi cách mạng, dân tộc Tày, quê xã Nhân Lý, huyện Văn Yên, nay là Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, tham gia cách mạng từ năm 1927, đại biểu dự Đại hội lần thứ nhất của Đảng ở Ma Cao, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, Thường vụ Trung ương Đảng, năm 1943 ông bị Pháp bắt tại Hà Nội, kiên cường bất khuất, bị chúng kết án tử hình. Ngày 24-5-1944, chúng xử bắn ông tại trường bắn Tương Mai. Những hoạt động của Hoàng Văn Thụ rất đa dạng. Ông rất giàu kinh nghiệm đối với công tác tuyên truyền trong công nhân, binh sĩ. Ông là chủ bút nhiều tờ báo bí mật như: Tranh đấu, Lao động nhằm phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng cho đồng bào miền núi. Ông cũng sử dụng thơ ca phục vụ cho lý tưởng cách mạng của mình. Có nhiều bài Sli, lượn do Hoàng Văn Thụ sáng tác

						đã trở thành phổ biến và đi vào kho tàng văn nghệ dân gian dân tộc.	
131.	Đặng Dung	2004	1.3	3.5	Đường Phan Đình Phùng	Giao với đường Lương Đình Của	Quê Hóa Châu (Quảng Trị) là con Đặng Tất. Ông làm tướng cuối đời Trần, tham gia các trận Hàm Tử, Yên Mô, Chí Linh, Thái Giá năm 1413. Năm sau, ông và vua Trùng Quang bị quân Minh bắt. Trên đường giải về Yên Kinh, cả hai đã nhảy xuống sông tự tử.
132.	Đặng Quang	2004	2.1	5.0	Đường Hai Bà Trưng	Giao với đường Lương Đình Của	Tương truyền, Thân Đặng Quang quê ở La Sơn, trấn Nghệ An, giòng dõi công thần, là con thứ của tướng quân Đặng Tất; Thân có phong thái lịch duyệt, tướng mạo khôi ngô, chí khí hiên ngang, thường đi nhiều nơi kết giao bạn bè, nuôi chí báo đền nợ nước. Đến thời Trần Giản Đế (2a); quân Minh xâm lược nước ta, (2b) chúng xây dựng Lam Thành ở trấn Nghệ An. Năm 40 tuổi Ngài đến vùng đất Cẩm La, huyện Tống Sơn, Ngài thấy ở đây núi non hiểm trở, sông suối bao bọc quanh trang ấp, nhân dân thuần hậu, Ngài dựng một ngôi nhà bằng tre nửa lợp cỏ tranh xăng gọi là “Viên Long Xá”. Nhân dân địa phương rất kính trọng, yêu mến đức tài của Ngài; từ đó Ngài chiêu tập nhân tài, nghĩa dung được hơn trăm người, lấy danh hiệu là Tây Việt, danh tiếng vang động đến Lam Thành; Ngài đã từng mang quân cư chiến với giặc Minh ở Lam Thành bất phân thắng bại; rồi mang quân sĩ từ Cẩm La hội quân cùng cha là Đặng Tất, anh trai là Đặng Dung cùng tướng sĩ của Vua Giản Định Đế tiến đánh thắng lớn quân Minh

							ở trận Bô Cô (Nam Định) và trận thành Cổ Lộng (Hưng Yên), chém được tướng Lữ Nghị, truy đuổi Tướng Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh phải rút chạy về Thành Đông Đô.
133.	Bùi Xương Trạch	2004	2.1	4.0	Đường Hai Bà Trưng	Giao với đường Lương Đình Của	Danh nhân thời Lê Sơ, sinh ở làng Định Công, huyện Thanh Trì sau chuyển sang cư ngụ ở làng Thịnh Liệt, nay thuộc quận Hoàng Mai, lập ra dòng họ Bùi khoa bảng. Ông đỗ Tiến sĩ khoa 1478, được cử vào Hàn Lâm Viện, làm đến chức Thượng thư Bộ Binh, Đô ngự sử, Tế tửu Quốc Tử Giám, tước Quảng Văn Hầu, truy tặng là Thái phó Quảng quận công. Ông là tác giả bài ký Quảng Văn Đình nổi tiếng.
134.	Trần Khánh Dư	2004	1.4	5.5	Đường Q11A Theo hướng Đông (cắt đường Thanh Niên)	Q11A	Được vua Trần Thánh Tông nhận làm con nuôi. Quân Nguyên - Mông sang xâm lược, ông được dự Hội nghị Bình Than (1282) và được phong Phó đô Tướng quân. Ông lập chiến công lớn ở Vân Đồn, đánh tan hơn trăm chiến thuyền chở lương của giặc
135.	Ngô Thì Sĩ	2004	0.4	4.0	Đường Phan Đình Phùng	Giao với đường Hoàng Văn Thụ	Ngô Thì Sĩ tự: Thế Lộc, hiệu: Ngộ Phong, đạo hiệu: Nhị Thanh cư sĩ; là nhà sử học, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở thế kỷ 18 tại Việt Nam; được Phan Huy Chú đánh giá là người có "học vấn sâu rộng, văn chương hùng vĩ, làm

							rạng rỡ cho tông phái nho gia, là một đại gia ở Nam Châu"
136.	Ngô Gia Khảm	2004	0.5	9.0	Đường Lương Định Của	Hết Khu dân cư	Anh hùng lao động, quê xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh. Sinh ra trong một gia đình cách mạng , ông được cậu là Ngô Gia Tự giác ngộ và tham gia cách mạng từ sớm. 16 tuổi làm thợ nguội Nhà máy Xe lửa Gia Lâm. 1941, bị Pháp bắt đày đi Sơn La. Ra khỏi ngục, 1944 tham gia chế vũ khí cho Việt Minh. Ông là một trong những người lập xưởng quân khí, làm ra quả lựu đạn đầu tiên. Sau Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp ông lập xưởng hóa chất đầu tiên ở Việt Bắc, chế tạo hạt nổ, ba lần chế thử bị thương nặng vẫn không nản. 1952 được tuyên dương Anh hùng lao động đợt đầu tiên. 1954 về tiếp quản làm giám đốc Nhà máy Xe lửa Gia Lâm, rồi làm Cục trưởng Cục đầu máy – Toa xe, Tổng cục Đường sắt, Trưởng ban Thanh tra Bộ Giao thông vận tải.
137.	Hoàng Minh Giám	2004	4.0	3.5	Đầu cầu phía Nam cầu Hà Lan	Xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Là một nhà ngoại giao của Việt Nam, người trực tiếp trợ giúp cho chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đàm phán với nhà ngoại giao Sainteny của Chính phủ Pháp, dẫn đến việc kí Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946. Ngoài ra ông còn giữ nhiều chức vụ quan trọng của Chính phủ và Quốc hội Việt Nam như Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ

							Văn hoá và Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội khoá VI. Ông cũng là đại biểu Quốc hội Việt Nam các khoá I, II, III, IV, V và VI, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam các khoá I, II và III, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam từ năm 1977 đến năm 1992 (Kể nhiệm là Nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình).
138.	Hàm Long	2004	4.0	2.7	Đường Hoàng Minh Giám	Cầu Đa Nam	Hàm Long là tên ngôi chùa cổ (còn gọi Hàm Châu tự, đã bị phá hủy, nằm trong ngõ số 18). Ngôi chùa lớn này xây từ thế kỷ XVII, một trung tâm Phật giáo thời Lê. Chùa thờ Phật nhưng còn thờ thêm một nhân vật anh hùng truyền thuyết là Ngô Văn Long. Tại số nhà 5D Hàm Long, tháng 3-1929 có một nhóm hội viên trung kiên và tiên tiến nhất của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đã thành lập chi bộ Cộng sản đầu tiên. Ở giữa phố còn có ngôi trường có lịch sử lâu đời là trường cấp 2 Ngô Sĩ Liên, số nhà 29.
II	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG						
1	Trường THCS Lê quý Đôn	1994					Đỗ bảng nhãn, vào làm ở Hàn lâm viện, được giao soạn quốc sử. Năm 1767 chúa Trịnh phong chức Bồi tụng, làm Hiệp trấn Nghệ An, rồi về triều giữ chức Thượng thư bộ Công. Ông là nhà bác học, nhà văn hoá lớn, để lại nhiều tác phẩm giá trị về văn, sử, triết, kinh tế, địa lý...

							như “Phủ biên tạp lục”, “Vân đài loại ngữ”, “Kiến văn tiểu lục”, “Đại Việt thông sử”... mang tính bách khoa toàn thư.
2	Trường PTTH Lê Hồng Phong	1996					Ông tham gia cách mạng từ 1924, tốt nghiệp sĩ quan lục quân, sang Liên Xô học trường Không quân Leningorát, Đại học Phương Đông, Tại Đại hội I Đảng Cộng sản Đông Dương ông được cử vào Ban Chấp hành Trung ương và được bầu làm Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1935 - 1936). Về Sài Gòn lãnh đạo phong trào, bị địch bắt (1938), ông bị đày ra Côn Đảo và mất tại đó ngày 6/9/1942.

DANH SÁCH

Các tuyến phố trên địa bàn được đặt sau khi có Nghị định 91/NĐ-CP
(Kèm theo Công văn số: 678/UBND-VHTT ngày 24 tháng 4 năm 2017
của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)

STT	Tên đường/phố/cô ng trình công cộng	Mô tả tuyến đường				Trích yếu lý lịch
		Kích thước (Dài, rộng)		Kích thước (Dài, rộng)		
		Dài (km)	Rộng (m)	Điểm đầu	Điểm cuối	
1	Tuệ Tĩnh	560	4.3	Đường Đoàn Kết	Hết khu dân cư (nhà Lê Thị Chiến, Khu phố 3)	Tuệ Tĩnh Thiên sư, thường được gọi tắt là Tuệ Tĩnh hoặc Huệ Tĩnh, người làng Nghĩa Phú, tổng Văn Thái, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng (nay là tỉnh Hải Dương) được phong là ông tổ ngành dược Việt Nam và là người mở đầu cho nền y dược cổ truyền Việt Nam. Ông chính tên là Nguyễn Bá Tĩnh, biệt hiệu là Tráng Tử Vô Dật, quê ở làng Xưa, tổng Văn Thái, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương). Năm 55 tuổi (1385), Tuệ Tĩnh bị đưa đi cống cho triều đình nhà Minh. Sang Trung Quốc, ông vẫn làm thuốc, nổi tiếng, được vua Minh phong là Đại y Thiên sư, mất ở đó, không rõ năm nào. Bia văn chỉ ở làng Nghĩa Phú (do Nguyễn Danh Nho soạn năm 1697) cùng các tư liệu khác ở địa

						phương đều ghi như vậy. Những năm ở trong nước, Tuệ Tĩnh đã chăm chú nghề thuốc: trồng cây thuốc, sưu tầm kinh nghiệm chữa bệnh trong dân gian, huấn luyện y học cho các tăng đồ. Ông đã tổng hợp y dược dân tộc cổ truyền trong bộ sách giá trị là bộ Nam dược thần hiệu chia làm 10 khoa. Đặc biệt, ông có bộ Hồng Nghĩa giác tư y thư (2 quyển) biên soạn bằng quốc âm, trong đó có bản thảo 500 vị thuốc nam, viết bằng thơ Nôm Đường luật, và bài "Phú thuốc Nam" 630 vị cũng bằng chữ Nôm. Từ bao đời nay, giới y học Việt Nam và nhân dân đều công nhận Tuệ Tĩnh có công lao to lớn trong việc xây dựng một quan điểm y học độc lập, tự chủ, sát với thực tế Việt Nam. Câu nói của ông: "Nam dược trị Nam nhân" thể hiện quan điểm đầy biện chứng về mối quan hệ mật thiết giữa con người với môi trường sống xung quanh. Quan điểm ấy dẫn dắt ông lên ngôi vị cao nhất của nền y học cổ truyền Việt Nam: Ông Thánh thuốc Nam! Trong trước tác của mình, ông không rập khuôn theo các trước tác của các đời trước, Ông đã nêu ra nhiều phương pháp khác nhau để chữa bệnh như: châm, chích, chườm, bóp, xoa, ăn, uống, hơ, xông, v.v. Tuệ Tĩnh còn tập hợp những bài thuốc chữa bệnh cho gia súc. Có thể nói, ông đã góp phần đặt cơ sở cho ngành thú y dân tộc của Việt Nam.
2	Xuân Diệu	320	3.5	Đường Bà Triệu	Đường Triệu Quốc Đạt	Xuân Diệu (2 tháng 2 năm 1916 – 18 tháng 12 năm 1985) là một trong những nhà thơ lớn của Việt Nam. Ông được mệnh danh là "ông hoàng thơ tình".

					Sau khi theo đảng (1945), thơ ông chủ yếu ca ngợi Đảng Lao động Việt Nam, Hồ Chí Minh, thơ tình của ông không còn được biết đến nhiều như trước. Ngoài làm thơ, Xuân Diệu còn là một nhà văn, nhà báo, nhà bình luận văn học. Ông tên thật là Ngô Xuân Diệu, quê quán làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh nhưng sinh tại Gò Bồi, thôn Tùng Giản, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông là một trong những người sáng lập Đoàn báo chí Việt Nam, nay là Hội Nhà báo Việt Nam. Trong sự nghiệp sáng tác thơ văn của mình, Xuân Diệu được biết đến như là một nhà thơ lãng mạn trữ tình, "nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới" (Hoài Thanh), "ông hoàng của thơ tình". Xuân Diệu là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn và cũng đã là một trong những chủ soái của phong trào "Thơ Mới". Năm 1944, Xuân Diệu tham gia phong trào Việt Minh. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông hoạt động trong Hội văn hóa cứu quốc, làm thư ký tạp chí Tiền phong của Hội. Sau đó ông công tác trong Hội văn nghệ Việt Nam, làm thư ký tòa soạn tạp chí Văn nghệ ở Việt Bắc. Xuân Diệu tham gia ban chấp hành, nhiều năm là ủy viên thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam. Từ đó, Xuân Diệu trở thành một trong những nhà thơ hàng đầu ca ngợi cách mạng, một "dòng thơ công dân". Bút pháp của ông chuyển biến phong phú về giọng vẻ: có giọng trầm hùng, tráng ca, có giọng chính luận, giọng thơ tự sự trữ tình. Tiêu biểu là: Ngọn quốc kỳ (1945), Một
--	--	--	--	--	--

						khối hồng (1964), Thanh ca (1982), Tuyển tập Xuân Diệu (1983). Là cây đại thụ của nền thi ca hiện đại Việt Nam, Xuân Diệu đã để lại khoảng 450 bài thơ (một số lớn nằm trong di cảo chưa công bố), một số truyện ngắn, và nhiều bút ký, tiểu luận, phê bình văn học. Xuân Diệu từng là đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa I. Ông còn được bầu là Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hòa dân chủ Đức năm 1983. Ông đã được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về văn học nghệ thuật (1996).
3	Lê Đức Thọ	420	3.5	Đường Hoàng Diệu	Hết khu dân cư (Khu phố 2)	Lê Đức Thọ (10 tháng 10 năm 1911 – 13 tháng 10 năm 1990) là chính khách Việt Nam, giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Trung Ương, phụ trách nhân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam suốt một thời kỳ dài 1956-1982. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, ông Thọ từng được trao tặng giải Nobel Hòa bình cùng Henry Kissinger vào năm 1973 nhưng ông đã từ chối với lý do hòa bình chưa thực sự lập lại trên đất nước Việt Nam. Đó là giải Nobel duy nhất dành cho người Việt cho đến nay. Lê Đức Thọ tên thật là Phan Đình Khải, sinh tại thôn Dịch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định nay là xã Nam Vân (TP Nam Định). Năm 1944 ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ tháng 12 năm 1986, ông là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ông được tặng giải Nobel năm 1973 cùng với Henry

						Kissinger vì thương thảo thành công Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, nhưng ông từ chối nhận giải với lý do hòa bình vẫn chưa thực sự lập lại trên đất nước Việt Nam. Tên ông được đặt cho nhiều tuyến đường phố tại các Tỉnh, thành ở Việt Nam trong đó có thủ đô Hà Nội."Ông là nhà ngoại giao không lồ. Ông không lồ ở chỗ đối phương đối thoại với Lê Đức Thọ là Kissinger, một học giả rất lớn của Mỹ thời đó. Lúc đó, Kissinger rất ngạo mạn, những tướng có thể đè bẹp Lê Đức Thọ nhưng không thể được. Ví như làm thế nào để thống nhất được với Mỹ về vấn đề Mỹ phải rút quân. Mỹ muốn nếu Mỹ rút quân thì miền Bắc cũng phải rút quân khỏi miền Nam, đánh đồng như thế không thể được. Cuối cùng đồng chí Lê Đức Thọ đưa ra một công thức đó là vấn đề quân đội Việt Nam ở lãnh thổ Việt Nam do các bên Việt Nam giải quyết với nhau. Còn việc Mỹ rút quân là chuyện Mỹ phải rút.
4	Phạm Ngọc Thạch	600	4.0	Đường Lê Lai	Đường Lý Thái Tổ (Liên khu 4+5)	Phạm Ngọc Thạch (1909-1968) là một Nhà khoa học y khoa Việt Nam, Giáo sư tiến sĩ khoa học, nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông được Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1997 vì các cống hiến trong lĩnh vực khoa học. Phạm Ngọc Thạch sinh ngày 7 tháng 5 năm 1909 tại Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Cha ông là nhà giáo Phạm Ngọc Thọ, mẹ thuộc dòng hoàng tộc Huế. Ông mồ côi mẹ khi mới lên 2, không bao lâu cha ông cũng qua đời. Chị ông là bà Phạm Thị Ngọc Diệp lấy chồng là dược sĩ giàu có, vì

						thế bà có điều kiện nuôi nấng, giúp đỡ em trai học lên bác sĩ. Vốn tính thông minh, học giỏi, khi tốt nghiệp tú tài, ông thi vào theo học tại Đại học Y Hà Nội từ năm 1928, tốt nghiệp bác sĩ ở Paris năm 1934. Tại Pháp, ông được thăng chức Giám đốc Bệnh viện Lao vùng núi phía đông nước Pháp, đồng thời là bác sĩ chuyên khoa tại Viện Điều dưỡng Haute Ville. Cách mạng tháng Tám thành công, ông được phân công là Bộ trưởng Y tế đầu tiên của Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Ủy viên Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, rồi lần lượt Thứ trưởng Phủ Chủ tịch, Trưởng phái đoàn Chính phủ tại Nam Bộ (1948-1950), Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Trưởng ban Y tế của Đảng Lao Động Việt Nam, Thứ trưởng Y tế (1954-1958), từ 1958 là Bộ trưởng Y tế.
5	Đoàn Khuê	530	7.0	Đường Hồ Tùng Mậu (nhà bà Sửu)	Hết khu dân cư (Nhà bà Suốt, Khu phố 11)	Đại tướng Đoàn Khuê (1923–1999), bí danh Võ Tiến Trình; là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1991 đến năm 1997. Đoàn Khuê sinh ngày 29 tháng 10 năm 1923; Mất ngày 16 tháng 1 năm 1998; Quê quán: Thôn Gia Đẳng, Xã Triệu Tân, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị (nay là Xã Triệu Lăng, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị). Trú quán: Số nhà 30 Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Thời kỳ 1987-1991 ông là Tổng Tham mưu trưởng Quân

					đội Nhân dân Việt Nam, sau đó làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Ông là ủy viên Trung ương Đảng từ khóa IV đến khóa VII, ủy viên Bộ Chính trị các khóa VI, VII (1991 đến lúc mất), đại biểu Quốc hội các khóa VII, VIII, IX. Ông đã được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng: Huân chương Sao vàng (truy tặng năm 2007), Huân chương Hồ Chí Minh, 2 Huân chương Quân công hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công hạng nhất, Huân chương Chiến thắng hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng nhất và nhiều huân, huy chương khác.
6	Nguyễn Khoái	700	6.5	Nhà ông Nguyễn Đăng Lương (Khu phố 10)	Hết khu dân cư (Khu phố 10) Trong cuộc chiến tranh chống quân Nguyên lần thứ hai, Nguyễn Khoái được cử đem đội quân Thánh Dực bảo vệ Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông, đồng thời sẵn sàng thực hiện mệnh lệnh chiến đấu. Nguyễn Khoái đã hoàn thành một cách xuất sắc. Bấy giờ, đạo quân của Toa Đô sau khi đánh Chiêm Thành (1282) liền tiến ra Bắc phối hợp với cánh quân phía Bắc thành một gọng kìm nhằm đè bẹp quân và dân nhà Trần. Toa Đô hùng hổ tiến vào châu thổ sông Hồng. Triều đình đã lệnh cho các tướng như Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản và Nguyễn Khoái đón đánh giặc ở Hàm Tử làm cho giặc thua đau, sau đó là trận Tây Kết, Toa Đô càng bị tiêu hao lực lượng. Thắng lợi của hai trận chiến trên đã mở đầu cho các chiến thắng liên tiếp để đánh bại cuộc xâm lược của quân Nguyên lần thứ hai. Trong cuộc chiến tranh chống quân Nguyên lần thứ ba (1288), tướng Nguyễn Khoái lại tiếp tục lập được chiến

					công vẻ vang, góp phần to lớn vào thắng lợi chung của cả dân tộc. Bây giờ, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn quyết định trận đánh quyết chiến chiến lược ở sông Bạch Đằng. Đây là trận thủy chiến có quy mô lớn kết hợp mai phục và bao vây. Đội quân Thánh Dực của Nguyễn Khoái có nhiệm vụ chủ động tấn công chia cắt đội hình giặc làm cho chúng lúng túng tràn vào ổ mai phục của ta và Nguyễn Khoái đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này.
7	Nguyễn Cao	400	9.5	Đường Lê Lợi	Đến hết khu dân cư (Khu phố 4) Nguyễn Cao (1837 - 1887), tên đầy đủ là Nguyễn Thế Cao, hiệu là Trác Hiên; là một danh tướng nhà Nguyễn và là một nhà thơ Việt Nam ở thế kỷ 19. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước, khoa bảng tại làng Cách Bì, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Quế Võ, Bắc Ninh). Năm 1873, quân Pháp đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ nhất, khi ấy ông mới ra làm quan và được giữ chức Tán lý quân vụ tỉnh Bắc Ninh (cho nên người đời còn gọi ông là Tán Cao). Ngay sau đó, ông cùng với Ngô Quang Huy, Phạm Thận Duật, Trương Quang Đản dẫn quân bao vây tỉnh thành Hà Nội, đánh bật đồn bốt của đối phương tại Gia Lâm ngày 4 tháng 12 năm 1873, rồi kéo quân về Siêu Loại đánh dẹp luôn quân phi, giữ yên cho dân chúng. Ngày 27 tháng 3 năm 1883 ông đem quân đánh vào phố hàng Đậu, Cửa Đông (Hà Nội), sau đó rút quân về phía bắc sông Hồng. Ngày 15 tháng 5 năm ấy, Nguyễn Cao chỉ huy nghĩa quân đánh một trận lớn tại Gia Lâm. Trận này ông bị thương nặng, nhưng vẫn cố sức chiến đấu. Sau đó, ông còn đánh với Pháp nhiều trận khác nữa, như ở: Phá

						Lại, Yên Dũng, Quế Dương, Võ Giàng, Từ Sơn, Thuận Thành... Năm 1884, khi thành Bắc Ninh mất vào tay quân Pháp, Nguyễn Cao rút quân về thành Tỉnh Đạo, rồi cùng với Nguyễn Thiện Thuật, Ngô Quang Huy lãnh đạo phong trào Tam tỉnh Nghĩa Đoàn hoạt động trên các địa bàn Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây. Ngày 27 tháng 3 năm 1887, tại một trận đánh ở làng Kim Giang (Hà Tây) ông bị quân Pháp bắt. Đối phương dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc, nhưng đều bị Nguyễn Cao cự tuyệt. Để giữ tròn khí tiết, ông đã tự rạch bụng, moi ruột, hỏi đối phương: Ruột gan tao đây, bay xem có khúc nào phản thì bảo. Biết không thể dụ hàng được, ngày 14 tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), quân Pháp đã đem Nguyễn Cao ra chém đầu tại vườn Dừa (gần Hồ Gươm, Hà Nội), lúc ấy ông mới 50 tuổi.
8	Khuất Duy Tiến	420	6.0	Đường Lê Lợi	Đường Phùng Chí Kiên	Khuất Duy Tiến (11 tháng 2 năm 1984), nhà hoạt động cách mạng, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại biểu Quốc hội khóa I, nguyên Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám và trong thời kỳ Kháng chiến chống Pháp. Ông quê ở thôn Thuần Mỹ, xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Tùng Thiện, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội). Tháng 3-1930, ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Nam Định, tháng 11 năm đó là Ủy viên thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ. Năm 1930, ông gia nhập và trở thành đảng viên Đảng

					Cộng sản Đông Dương. Ông làm Bí thư Tỉnh ủy Nam Định kiêm Thái Bình. Tháng 8 năm 1947 ông làm Cục trưởng Cục Ngoại thương (Bộ Kinh tế), Năm 1948 ông chuyển sang làm Đồng lý sự vụ Bộ Nội vụ một thời gian, sau đó làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến Khu Đặc biệt Hà Nội (sau khi Hà Nội sáp nhập với Hà đông và là một khu thuộc Liên khu III), cơ quan đóng tại khu vực Chợ Cháy, Xuân Tĩnh, Trầm Lộng trên trục đường Cống Thẩn đi Ứng Hòa; Phó Bí thư Thành ủy Hà nội kiêm Trưởng ban Tuyên huấn. Năm 1949 ông là Ủy viên thường vụ Đặc khu ủy Hà nội. Năm 1952 ông giữ chức Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu IV. Năm 1954 khi chính quyền cách mạng tiếp quản Hà nội, ông được cử làm Ủy viên Ủy ban Hành chính Thành phố. Chủ tịch Ủy ban là bác sĩ Trần Duy Hưng, Phó chủ tịch là ông Trần Danh Tuyên. Năm 1955 - 1956 ông là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội.
9	Hoàng Quốc Việt	400	3.5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Nhà bà Lê Thị Đào (Khu phố 5) Hoàng Quốc Việt (1905-1992) là nhà cách mạng, chính trị gia, nguyên Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ. Ông tên thật là Hạ Bá Cang, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1905, tại Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (ngày nay là phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh. Ông tham gia các phong trào cách mạng từ năm 1925,

					cùng hoạt động với Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự. Năm 1937, ông được cử làm Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ. Năm 1938, do bị chính quyền trực xuất khỏi Hà Nội, Hoàng Quốc Việt về hoạt động ở Bắc Ninh, Bắc Giang. Năm 1941, ông tham dự Hội nghị VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh chủ trì, được cử vào Ban Chấp hành Trung ương và được bầu làm Ủy viên Thường vụ Trung ương. Ông tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng Tám, sau đó được cử vào Nam công tác. Năm 1960, ông được bầu làm Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội trưởng Hội Hữu nghị Việt - Trung. Tháng 12 năm 1976, trong Đại hội IV Đảng Cộng sản Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Ông tiếp tục giữ nhiều chức vụ: Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1977), Chủ tịch danh dự Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1983), Đại biểu Quốc hội từ khóa V-VIII. Ông mất ngày 25 tháng 12 năm 1992, an táng tại nghĩa trang Mai Dịch, thành phố Hà Nội.
--	--	--	--	--	---

